

# Sự Tự do của Kitô hữu, Khảo luận của Martin Luther

Vũ Văn An  
10/Feb/2020

## I. GIỚI THIỆU

Giữa trưa ngày Hallowe'en năm 1517, Martin Luther cho dán tờ giấy lớn lên cửa nhà thờ ở lâu đài Wittenberg. Trên đó là “95 Luận Đề” hay “Cuộc Tranh Luận về Năng Quyền và Hiệu Lực của Ân Xá”. Phần lớn người Thệ Phản cho rằng ngày 31 tháng Mười năm 1517 ấy chính là ngày khai sinh của Phong Trào Cải Cách. Tuy nhiên, dù từ thời điểm đó trở đi, sự ly cách giữa Luther và Đức Giáo Hoàng là điều không thể tránh được nữa, nhưng sự ly cách này chỉ chính thức và không thể nào hoà giải được từ ngày 3 tháng Giêng năm 1521, khi Đức Giáo Hoàng công bố sắc lệnh tuyệt thông Luther.



Giữa khoảng 3 năm ấy, Luther cho xuất bản một số trước tác quan trọng của ông. Trong đó, có ba cuốn được coi như Các Khảo Luận Cải Cách: *Thư Ngỏ Gửi Giới Quý Tộc Của Quốc Gia Đức*, *Cảnh Tù Đầy Babylon của Giáo Hội*, và *Sự Tự Do Của Kitô Hữu*. Cả 3 cuốn sách này đều được xuất bản trong năm 1520 sau khi Đức Giáo Hoàng ra chỉ dụ kết án các lý thuyết của Luther. Giọng điệu trong các trước tác đó, vì thế, phần lớn có tính đấu tranh và đả kích, dù cuốn *Sự Tự Do Của Kitô Hữu* có giọng hơi hoà giải một chút. Thí dụ, ông mào đầu khảo luận này bằng một lá thư ngỏ gửi Đức Lêô X. Nói chung, đây là lá thư thân ái, bảo đảm với Đức Giáo Hoàng rằng ông không có ý định tấn

công ngài. Tuy nhiên, cũng chính lá thư này cho thấy rõ phạm vi thay đổi của ông: ông không còn là một đan sĩ Dòng Augustinô nữa. Ông nói với Đức Giáo Hoàng như người ngang hàng, cho ngài lời cố vấn và không hề mang dáng dấp của một hối nhân. Cả lá thư và khảo luận đều viết bằng tiếng La Tinh, và sau này, được ông dịch sang tiếng Đức để đề tặng thị trưởng Zwickau.

Một khảo luận nhỏ như *Sự Tự Do Của Kitô Hữu* không thể nói lên hết nền thần học của Luther, nhưng nó có hai điểm hết sức quan trọng đối với học thuyết Thệ Phản: Thứ nhất, tầm quan trọng trên hết của đức tin đối với ơn cứu rỗi của con người. Mọi sự đều tùy thuộc nơi đức tin. Có nó, con người không thể không được cứu rỗi; không có nó, con người không thể nào được cứu rỗi cả. Quan niệm cho rằng “việc làm tốt”, tức các hành động vốn có tính đạo hạnh, có thể giúp con người đạt được ơn cứu rỗi, chỉ là một ảo tưởng. Việc làm mà không có đức tin sẽ bị tội lỗi làm cho ra xấu xa và do đó vô dụng; còn khi con người đã có đức tin, thì

việc làm không còn cần thiết nữa.

Điểm thứ hai là học thuyết cho rằng mọi Kitô hữu đều là linh mục: “Bởi thế, tất cả chúng ta, những người tin vào Chúa Kitô, đều là linh mục...” (tr.387). Mỗi một Kitô hữu đều có các chức năng của một linh mục: “Là linh mục, chúng ta xứng đáng xuất hiện trước mặt Thiên Chúa để cầu nguyện cho người khác và dạy dỗ nhau những điều về Chúa” (tr.388).

Cả hai học thuyết trên đều đã trở thành những viên đá tảng của nền thần học Thệ Phản từ đó.

Martin Luther sinh ngày 10 tháng Mười Một năm 1483, tại Eisleben, một thị trấn nhỏ của Đức cách tây bắc Leipzig chừng 50 dặm. Cha mẹ Luther thuộc giai cấp nông dân, và mặc dù sau đó, trở nên khá khá đôi chút, cha ông vẫn phải vất vả lắm mới chu cấp đủ cho một gia đình mỗi ngày một đông thêm.

Luther được nuôi dạy trong một bầu khí nghiêm ngặt và đạo hạnh. Giống các trẻ em khác, cậu được dạy các niềm tin tôn giáo cũng như nhiều mê tín bình dân khác của thời đại. Lên 7, cậu bắt đầu chịu kỷ luật khắc khe của trường La Tinh sở tại. Qua tuổi 14, cậu được gửi tới Magdeburg học với các thầy thuộc Huynh Đoàn Sống Chung, một hội dòng nổi tiếng về giáo dục và tinh thần cải cách. Để đủ tiền ăn học trong thời kỳ này, Luther buộc phải đi hát dạo ngoài đường.

Ba năm sau đó, Luther sống tại Eisenach. Tại đây, nhờ sự giúp đỡ của một người giàu có, cậu đã có thể chuyên tâm học lên cao. Mùa xuân năm 1501, cậu vào trường Đại Học Erfurt nổi tiếng và lấy cử nhân năm 1502 và cao học năm 1505 tại đó.

Nhờ 4 năm học tại Erfurt, Luther thông thạo triết lý kinh viện hiện hành. Ông theo triết lý duy danh (nominalist) của Nhà Kinh Viện người Anh William Occam (khoảng 1280-1349), được coi là “hiện đại” lúc ấy, chứ không theo trường phái duy thực (realist) xưa cũ hơn đại biểu cho quan điểm của Thánh Tôma Aquinô (1225-1274) và của Gioan Duns Scotus (1265-1308).

Sau khi lấy được cao học, Luther bắt đầu học Luật vào tháng Năm, 1505, một việc cha ông rất thích, vì lúc nào cũng muốn ông theo nghề luật sư. Ấy thế nhưng, chỉ hai tháng sau đó, Luther bỗng nhiên từ bỏ thế gian để gia nhập đan viện Augustinô tại Erfurt. Dù các người viết tiểu sử ông bất đồng về lý do của hành động này, chính Luther thì gán quyết định bất ngờ này cho nỗi sợ chết do một cơn sét đánh gây ra. Ông thề hứa sẽ trở thành một đan sĩ và cảm thấy bị trói buộc bởi lời thề hứa này dù không hề thích cuộc sống của một đan sĩ. Cha ông thì thất vọng ê chề.

Sau một năm nhà tập, Luther khấn các lời khấn vâng lời, nghèo khó và khiết tịnh, và được thụ phong linh mục năm 1507. Năm sau, ông chuyên cần dọn thi tiến sĩ thần học (đậu năm 1512) và giảng dạy. Năm 1508, ông được di chuyển về đan viện Wittenberg.

Luther tuân giữ luật dòng từng li từng tí và áp dụng những hình thức khổ tu rất nghiêm ngặt, nhưng không tìm được bình an cho tâm hồn. Ông bị ám ảnh bởi mối nghi ngại không được cứu rỗi và do đó phải kinh qua nhiều ngày giờ trầm cảm. Giải thoát chỉ đến với ông khi suy niệm đoạn Thư Rôma 1:16-17. Nhờ việc này, ông đúc kết được cho mình điều sau này sẽ trở thành nguyên tắc chính của Thệ Phản: công chính hóa chỉ nhờ một mình đức tin mà thôi. Theo quan điểm này, Thiên Chúa phán xét kẻ có tội không theo công lao của họ, mà theo sự công chính Người ban cho họ qua ơn thánh và được họ tiếp nhận bằng đức tin.

Luther phát biểu quan điểm trên trong nhiều buổi thuyết trình trong các năm từ 1512 tới 1517. Tuy nhiên, điều khiến ông chống lại Giáo Hội lại thuộc phạm vi thực hành. Ông lo ngại tập tục “bán” ân xá trong Giáo Hội. Người ta cho rằng nhờ trả một số tiền nào đó, họ có thể giảm nhẹ hay loại bỏ được hình phạt tạm thời của tội nhẹ; sau đó, hiệu quả của ân xá còn được nói rộng thêm vì cho rằng nó có thể giảm hay loại bỏ được cả hình phạt luyện ngục nữa. Những người bán ân xá, vì muốn quyền được những món tiền không lồ, nên không bao giờ nói rõ cho người ít học hiểu rằng ân xá chỉ áp dụng cho các hình phạt đền tội, đòi hỏi nơi tội nhân trên dương thế (hay trong luyện ngục, nếu việc đền tội này chưa làm trọn nơi dương thế). Trong vai trò mục tử và người giải tội, Luther thấy việc bán ân xá có quá nhiều lạm dụng lớn lao, nên đã lên tiếng chống lại nó trong 95 Luận Đề. Các chỉ trích của ông đặc biệt nhắm vào John Tetzel, một linh mục Dòng Đa Minh, người bị tố cáo bán ân xá để quyền tiền tái thiết Nhà Thờ Thánh Phêrô tại Rôma.

Sau khi 95 Luận Đề được công bố, các biến cố mau chóng lên cao điểm. John Tetzel và các nhà thần học khác trả lời các tố giác của Luther; và được Luther hồi âm. Chẳng bao lâu, chính Đức Giáo Hoàng, người vẫn cho rằng đây chỉ là trò tranh luận giữa các tu sĩ Augustinô và các tu sĩ Đa Minh, cũng nhập cuộc. Luther được yêu cầu rút lại các quan điểm của mình, nhưng ông bác bỏ lời yêu cầu và cho rằng chỉ chịu rút lại nếu được chứng minh bằng Thánh Kinh rằng chúng sai lạc. Bất chấp nhiều cố gắng hòa giải, nhưng bất thành, vào mùa xuân 1520, 41 sai lạc trong học thuyết của Luther bị Đức Giáo Hoàng kết án bằng chỉ dụ *Exsurge Domine*. Luther vẫn không thay đổi các quan điểm của mình; ngược lại, ông còn công khai đốt chỉ dụ của Đức Giáo Hoàng vào ngày 10 tháng Mười Hai, năm 1520. Hành vi khinh thường ấy đã khiến Luther bị vạ tuyệt thông vào tháng Giêng, 1521.

Dưới sự bảo đảm của hoàng đế, tháng Tư năm 1521, Luther xuất hiện tại Nghị Viện Worms. Ông nhìn nhận tư cách tác giả của các cuốn sách ông viết. Nhưng khi được yêu cầu rút lại các quan điểm phát biểu trong đó, ông đã tranh biện suốt 24 tiếng đồng hồ để rồi đưa ra lời tuyên bố sau: “Ngoại trừ được thuyết phục bằng chứng từ Thánh Kinh hay bằng lý lẽ hiển nhiên, vì tôi không tin tưởng ở cả giáo hoàng lẫn hội đồng, bởi điều chắc chắn là họ thường hay sai lầm và tự mâu thuẫn với chính mình, tôi sẽ nhờ Thánh Kinh do tôi diễn dịch mà đứng vững, và lương tâm tôi sẽ nhờ Lời Chúa mà được cầm giữ, nên tôi sẽ không thể cũng như sẽ nhất định không rút lại bất cứ điều gì, khi thấy rằng hành động ngược với lương tâm là điều không an toàn và không đúng. Xin Thiên Chúa giúp đỡ tôi. Amen”

Một ngày sau, Luther rời Worms; do xếp đặt tù trước, ông bị một nhóm kỵ sĩ chặn bắt tại một cánh rừng và bí mật đưa tới lâu đài Wartburg. Ông ở lại đây một năm, dưới sự che chở của Frederick, ông hoàng xứ Saxony. Trong thời gian này, ông dịch Tân Ước từ Hy Ngữ qua Đức Ngữ, với sự trợ giúp của người phụ tá là Philipp Melanchthon. Trong các năm sau đó, Luther còn phiên dịch Cựu Ước qua Đức Ngữ nữa. Năm 1525, Luther kết hôn với cựu nữ tu Catherine von Bora, người sinh cho ông 3 trai, 2 gái.

Phong trào Thệ Phản phát triển rất nhanh ngay lúc Luther còn sống. Tuy nhiên, trong cuộc Nổi Dậy Của Nông Dân, vì có quan điểm chính trị bảo thủ, Luther đã đứng về phía các ông hoàng và phe quý tộc, chống lại nông dân. Việc này khiến nhiều nông dân thất vọng cay đắng đối với các nhà cải cách mà họ vốn tin tưởng xưa nay. Trục trặc lớn thứ hai xảy ra cho Phe Cải Cách khi Luther và nhà cải cách người Thụy Sĩ là Huldreich Zwingli không làm sao đạt được thỏa thuận về học lý Tiệc Ly. Luther nhấn mạnh tới lỗi giải thích chiều tự đối với lời Chúa Giêsu phán rằng “Đây là mình ta” trong khi Zwingli hiểu những lời này theo nghĩa bóng.

Luther trước tác rất nhiều. Bộ sưu tập Weimar gồm trọn các trước tác của ông, bắt đầu thực hiện từ năm 1883, gồm hơn 90 cuốn. Thêm vào đó, khi phiên dịch Thánh Kinh, ông còn soạn phần chú giải cho các sách này nữa. Ngoài ra, ông còn viết nhiều bài tranh luận, nhiều thánh ca, rất nhiều thư từ. Ông qua đời ngày 18 tháng Hai, năm 1546, tại Eisleban, nơi ông ra đời.

### **Xác minh của Tòa Thánh về học lý công chính hóa**

Chúng tôi nhận thấy khảo luận “Sự Tự Do của Kitô Hữu” có nhiều tầm nhìn thấu suốt về đức tin đến nỗi nếu bỏ được cụm từ “chỉ...mà thôi” trong công thức cốt lõi và nổi tiếng của Luther “công chính hóa chỉ nhờ đức tin mà thôi”, và các chỉ trích có tính bút chiến nhắm vào ngôi vị giáo hoàng Rôma thì đây là một khảo luận hàng đầu về đức tin mà Kitô hữu nào cũng nên học hỏi. Chúng tôi cho chuyển khảo luận sang tiếng Việt vì nghĩ rằng đức tin của người tín hữu Việt Nam đã trưởng thành đủ để không bị chao đảo trước các sai lầm minh nhiên hay mặc nhiên ẩn nấp đằng sau các trước tác Thệ Phản. Và lại, muốn phê phán cho chính xác quan điểm của họ, ta cần biết thực ra họ nói gì. Đàng khác, nay là lúc, Giáo Hội đã nhìn ra các đóng góp đáng kể của Luther song song với các thiếu sót sai lầm của Ông. Muốn cổ vũ phong trào đại kết để hy vọng một ngày nào có được sự hợp nhất hữu hình, người tín hữu cũng nên bước theo chân Huân Quyền để khám phá cả các ưu điểm lẫn khuyết điểm của các giáo hội anh em.

Tuy nhiên, trước khi đi vào chính khảo luận của Luther, tưởng nên nhắc lại: sau nhiều năm đối thoại tích cực, năm 1999, Tòa Thánh và Liên Đoàn Luther Thế giới đã đạt được một thỏa thuận về học lý Công Chính Hóa. Tuyên bố chung đã được công bố vào ngày 31 tháng Mười năm 1999. Kèm theo Tuyên Bố chung này, còn có 1 phụ lục, và hai tuyên bố riêng của mỗi Giáo Hội, cho thấy đây là 1 vấn đề chưa hẳn đã được giải quyết dứt khoát.

Thực vậy, trong “Trả Lời của Giáo Hội Công Giáo Đối Với Tuyên Bố Chung của Giáo Hội Công Giáo Và Liên Đoàn Lutherô Thế Giới Về Học Lý Công Chính Hóa”, Giáo Hội Công Giáo cho rằng Tuyên Bố Chung xác nhận nhiều điểm trùng hợp nhau nhưng vẫn còn nhiều điểm khác biệt nhau về học lý công chính hóa. Bởi thế, Giáo Hội Công Giáo xin minh xác một số điểm quan trọng. Trong phạm vi của chúng ta, các điểm sau đây có liên hệ:

Thứ nhất: đối với Giáo Hội Công Giáo, trong phép rửa, mọi tội lỗi được cất bỏ, nên, nơi người tái sinh không còn gì đáng ghét đối với Thiên Chúa nữa. Nên công thức “là người công chính và đồng thời là người tội lỗi” như được giải thích trong số 29: “các tín hữu hoàn toàn công chính, theo nghĩa Thiên Chúa tha thứ tội lỗi của họ nhờ Lời và Bí Tích... Tuy nhiên, nhìn vào chính họ, họ cũng nhận thấy họ vẫn hoàn toàn là các tội nhân. Tội lỗi vẫn sống trong họ” là điều không thể chấp nhận được.

.....

Thứ ba, tuy Công Giáo và người Lutherô đều nhất trí rằng đời sống mới phát sinh từ lòng Thiên Chúa thương xót chứ không do bất cứ công trạng nào của chúng ta, nhưng như thư thứ hai gửi tín hữu Côrintô (5:17) đã viết, lòng Chúa thương xót đem đến một sáng thế mới và do đó làm cho con người có khả năng đáp trả ơn phúc của Thiên Chúa, hợp tác với ơn thánh. Về phương diện này, Giáo Hội Công Giáo hài lòng ghi chú rằng số 21, phù hợp với điều 4 của Sắc lệnh về Công Chính Hóa của Công Đồng Trent (DS 1554) quả quyết rằng con người có thể từ khước ơn thánh; nhưng cũng phải khẳng định rằng, với tự do từ khước này, cũng có khả năng tuân theo thánh ý Thiên Chúa, một khả năng có tên rất đúng là “cooperatio” (hợp tác). Khả năng mới này được ban cho trong sáng thế mới không cho phép chúng ta dùng kiểu

nói “chỉ có tính thụ động” (số 21) trong đồng văn này. Thành thử, số 24 khi nói rằng “hồng ân ơn thánh Thiên Chúa trong công chính hóa vẫn luôn độc lập đối với sự hợp tác của con người” phải được hiểu là ơn thánh này không lệ thuộc việc làm của con người, chứ không theo nghĩa công chính hóa có thể diễn ra không có sự hợp tác của con người. Cả số 19 theo đó tự do của con người “không phải là tự do trong tương quan với sự cứu rỗi” cũng phải liên hệ tới việc con người không thể đạt tới công chính hóa bằng cố gắng riêng của họ.

Hơn nữa, Giáo Hội Công Giáo chủ trương rằng việc làm tốt của người đã được công chính hóa luôn luôn là hoa trái của ơn thánh. Nhưng đồng thời, và không cách chi giảm thiểu sáng kiến hoàn toàn của Thiên Chúa, chúng cũng là hoa trái của con người, đã được công chính hóa và biến đổi bên trong. Do đó, chúng ta có thể nói sự sống đời đời, cùng một lúc, vừa là ơn thánh vừa là phần thưởng được Thiên Chúa ban vì việc làm tốt và công đức. Học lý này là kết quả của sự biến đổi bên trong của con người mà chúng tôi đã nhắc đến ở số 1 “nhận định” này...

Bản minh xác cũng nhấn mạnh rằng cần nhiều suy tư hơn nữa để đi đến thoả thuận chung nhiều hơn. Việc suy tư này nên dựa vào toàn bộ Tân Ước chứ không chỉ các thư của Thánh Phaolô mà thôi. Và lại, ngay các thư Thánh Phaolô cũng nhắc đến các khía cạnh quan trọng khác như tư cách con cái và thừa hưởng gia nghiệp của tín hữu (Gl 4:4-7; Rm 8:14-17).

Riêng về vấn đề “việc làm tốt”, Luther không quên nhấn mạnh đến sự cần thiết của nó, không phải để được công chính hóa, nhưng vẫn là những bổn phận đích thực của một Kitô hữu đích danh, vì trong khảo luận này, chính Ông đã viết như sau:

“Đó là điều biến việc chăm sóc thân xác thành một việc làm của Kitô hữu, nghĩa là nhờ có sức khỏe và tiện nghi, chúng ta có thể làm việc, mua sắm, và để dành quỹ để giúp đỡ người túng thiếu, nhờ cách này, chi thể mạnh có thể phục vụ chi thể yếu hơn, và chúng ta có thể trở nên con cái Thiên Chúa, mỗi người biết chăm sóc và làm việc cho người khác, mang gánh nặng của nhau và nhờ thế chu toàn lề luật của Chúa Kitô (Gl 6:2). Đó mới là cuộc sống Kitô hữu đích thực. Ở đây, đức tin thực sự tích cực nhờ tình yêu (Gl 5:6), nghĩa là, nó tìm được biểu thức trong các việc làm trong việc phục vụ tự do nhất, thực hiện một cách vui vẻ và đầy yêu thương, với tình yêu này, người ta sẵn lòng phục vụ người khác không hy vọng được ban thưởng; và cho riêng họ, họ hoàn toàn hài lòng với sự viên mãn và phong phú của đức tin”.

Như trên đã nói, về phần mình, cái nhìn của Giáo Hội Công Giáo đối với chính Martin Luther đã thay đổi rất nhiều và với một vận tốc ngày càng nhanh hơn dưới triều Giáo Hoàng của Đức Phanxicô. Năm 1983, nhân kỷ niệm 500 năm ngày sinh của Luther, Thánh Giáo Hoàng Gioan Phaolô II đã giảng tại một nhà thờ Luthêrô ở Rôma. Dịp ấy, ngài gọi Luther là một người “có lòng đạo sâu sắc” luôn được “thúc đẩy bởi việc khảo sát ơn cứu rỗi đời đời”. Tại Erfurt năm 2011, Đức Bênêđictô XVI cho hay: tâm điểm nền thần học của Luther là Kitô học. Với ông, Thiên Chúa chân thật và sống động không còn là một giả thuyết triết học nữa. Thiên Chúa ấy có một bộ mặt, và Người đã lên tiếng với chúng ta. Người trở nên một người giữa chúng ta dưới cái tên Giêsu Kitô, Đấng là Thiên Chúa thật và là người thật. Suy tư của Luther, trọn nền linh đạo của ông, hoàn toàn là qui Kitô: ‘điều gì cổ vũ chính nghĩa của Chúa Kitô’, với Luther, đều là tiêu chuẩn giải thích dứt khoát đối với khoa giải thích sách thánh”.

Thực ra từ năm 1939, Linh mục Joseph Lortz, Dòng Tên, tác giả cuốn *The Reformation in Germany* (Phong Trào Cải Cách tại Đức), vốn dọn đường cho Sắc lệnh về Đại Kết, *Unitatis Redintegratio* (21 tháng 11 năm 1964) của Vatican II, đã cho rằng “Trong chính ông, Luther đã vật lộn và ném bỏ thứ Đạo Công Giáo không Công Giáo chút nào”.

Trong một tường trình dài 276 trang tựa là *The Reformation in Ecumenical Perspective* (Phong Trào Cải Cách trong Viễn Ảnh Đại Kết) của Ủy Ban Đại Kết, Hội Đồng Giám Mục Đức, để kỷ niệm 500 năm Phong Trào Cải Cách, Martin Luther được ca tụng như một “chứng nhân Tin Mừng và là thầy dậy đức tin”.

Đức Cha Farrell, Thư Ký Hội Đồng Giáo Hoàng về Cổ Vũ Hợp Nhất Kitô Giáo, rất đúng khi nhận định rằng: điều rõ ràng là Luther nói sự thật khi ông phản kháng nhiều lạm dụng trong Giáo Hội, những lạm dụng mà Công Đồng Trent thời đó đã cố gắng sửa chữa. Trong các cuộc đấu tranh và tranh chấp tiếp theo sau Cuộc Cải Cách, hai bên trở nên cứng rắn trong việc bác bỏ nhau “đến nỗi ý niệm cho rằng Luther đúng” trong một số vấn đề đã bị mất hút.

Còn Đức Phanxicô? Phát biểu đáng lưu ý của ngài là trong cuộc họp báo trên không trên đường từ Armenia trở về Rôma hồi tháng 6 năm 2016: “Tôi nghĩ rằng các ý hướng của Martin Luther đã không lầm lẫn. Ông là một nhà cải cách. Có lẽ một số phương pháp không đúng. Nhưng vào thời đó... Giáo Hội chính xác không phải là một mẫu mực để noi theo... và ông phản đối việc này. Rồi ông thông minh... đưa ra một số biện pháp... Còn ngày nay, người Luthêrô và người Công Giáo, người Thệ Phản, tất cả chúng ta đều đồng ý về học lý công chính hóa. Về điểm này, một điểm quan trọng, ông không lầm. Ông tạo thuốc chữa cho Giáo Hội”.

Sau đó mấy tháng, Đức Phanxicô đích thân qua Lund, Thụy Điển, mừng 500 năm việc thành lập Phong Trào Thệ Phản do Martin Luther khởi xướng, một biến cố có chủ đề là “Tù Tranh Chấp Tới Hiệp Thông” với lời cầu nguyện chung khởi đầu bằng việc cảm tạ Chúa “về các hồng phúc của Phong Trào Thệ Phản”. Ngày 1 tháng 4 năm 2017, trong gặp gỡ các tham dự viên cuộc hội thảo tại Vatican do Ủy Ban Giáo Hoàng về Khoa học Lịch Sử tổ chức với chủ đề: “Luther: 500 Năm Sau: Việc Hiểu Lại Cuộc Cải Cách Luther trong Bối Cảnh Lịch Sử Giáo Hội”, Đức Phanxicô nói rằng “Việc nghiên cứu nghiêm túc về nhân vật Luther và sự phê bình của ông đối với Giáo Hội và triều giáo hoàng thời đó chắc chắn sẽ góp phần vượt thắng bầu khí không tin tưởng lẫn nhau và tranh cãi mà đã quá lâu đánh dấu trên các mối quan hệ giữa Công Giáo và Tin Lành”.

Ngài nói thêm: “một sự nghiên cứu chú tâm và nhiệt thành, thoát khỏi thành kiến và những vấn đề” là cách đúng đắn để tìm kiếm “tất cả mọi điều tích cực và hợp pháp trong Cuộc Cải Cách, trong khi tách bản thân chúng ta ra khỏi những sai lỗi, những thái cực và những thất bại, và nhìn nhận tội lỗi dẫn đến sự chia rẽ”.

Với các “caveat” (thận trọng) như trên, xin mời quý độc giả đọc chính khảo luận của người sáng lập ra Phong Trào Thệ Phản trong Kitô Giáo, chuyên sang tiếng Việt từ bản tiếng Anh trong bộ *The Great Ideas Today*, 1962, của Nhà Xuất Bản The Encyclopaedia Britannica, Inc.

## **II. KHẢO LUẬN CỦA MARTIN LUTHER: TỰ DO CỦA KITÔ HỮU**

Nhiều người coi đức tin Kitô Giáo là điều dễ dàng, và không ít người đặt nó vào vị trí các nhân đức. Họ làm thế vì chưa cảm nghiệm được đức tin, và chưa ném được sức mạnh lớn lao của đức tin. Người ta không thể viết tốt về nó hay hiểu được điều đã được viết về nó ngoại trừ đã có lúc nào đó cảm nhận được sự can đảm mà đức tin đem tới cho một con người khi họ bị thử thách đè nặng. Nhưng những ai dù chỉ mới ném qua được nó cũng không bao giờ có thể viết, nói, suy niệm, hoặc nghe đủ về nó. Nó là “giếng nước hằng sông trào dâng, đem lại sự sống đời đời” như Chúa Kitô đặt tên cho nó trong Gioan 4:14.

Còn với tôi, dù không giàu có chi về đức tin để huênh hoang và biết rõ kho lẫm của mình thật ít ỏi, tuy nhiên tôi vẫn hy vọng rằng mình đã nắm được chút ít đức tin, tuy vẫn còn bị tấn công bởi rất nhiều cám dỗ lớn lao và đa dạng; và tôi hy vọng rằng tôi có thể thảo luận về nó, nếu không tao nhã hơn, thì chắc chắn cũng vào trọng điểm hơn những người duy chiều tự và những người tranh luận khéo léo từng làm từ trước đến nay, nhưng thậm chí không hề hiểu cả những điều họ viết.

Để dọn đường trơn tru hơn cho người ít học, là người duy nhất tôi muốn phục vụ, tôi xin trình bày hai mệnh đề sau đây liên quan tới sự tự do và ách nô lệ của tinh thần:

Kitô hữu là ông chủ hoàn toàn tự do của mọi người, không lệ thuộc ai.  
Kitô hữu là đầy tớ hoàn toàn từng phục mọi người, lệ thuộc mọi người.

Hai mệnh đề trên xem ra mâu thuẫn với nhau. Tuy nhiên, nếu có thể hợp lại với nhau, chúng sẽ phục vụ mục đích của chúng ta cách tuyệt vời. Cả hai câu đều là tuyên bố của chính Thánh Phaolô, người đã viết trong 1Cr 9:19: “Tôi là một người tự do, không lệ thuộc vào ai, nhưng tôi đã trở thành nô lệ của mọi người” và trong Rm 13:8: “anh em đừng mắc nợ gì ai, ngoài món nợ tương thân tương ái”. Do chính bản chất của nó, tình yêu sẵn sàng phục vụ và lệ thuộc kẻ được yêu. Bởi thế, Chúa Kitô, dù là Chúa muôn loài, đã “sinh ra từ người đàn bà, sinh ra dưới lề luật” (Gl 4:4), và bởi thế, cùng một lúc, là người tự do lẫn đầy tớ, “mang hình Thiên Chúa” lẫn “mang hình tôi tớ” (Pl 2:6-7).

Tuy nhiên, ta hãy bắt đầu với một điều xa hơn với chủ đề của ta, nhưng hiển nhiên hơn. Con người có bản chất kép, vừa tinh thần vừa thể xác. Theo bản chất tinh thần, mà người ta vốn gọi là linh hồn, họ được gọi là con người tâm linh, con người bên trong hay con người mới. Theo bản chất thể xác, mà người ta vốn gọi là thân xác, họ được gọi là con người xác thịt, con người bên ngoài hay con người cũ; về những con người này, Thánh Phaolô viết như sau trong 2 Cr 4:16: “Dù con người bên ngoài của chúng tôi có tiêu tan đi, thì con người bên trong của chúng tôi ngày càng đổi mới”. Vì tính đa phức về bản chất này, Thánh Kinh mới quả quyết những điều mâu thuẫn nhau về cùng một con người vì hai con người trong cùng một con người này mâu thuẫn nhau, “vì tính xác thịt thì ước muốn những điều trái ngược với Thần Khí, còn Thần Khí lại ước muốn những điều trái ngược với tính xác thịt” như thư Galát 5:17 vốn dạy.

Trước nhất, ta hãy xét con người bên trong để xem xem một Kitô hữu chính trực, tự do, và đạo hạnh, nghĩa là một người tâm linh, một người mới, và một người bên trong, trở nên điều họ là ra sao. Điều hiển nhiên là không điều gì ở bên ngoài lại có bất cứ ảnh hưởng nào đối với việc sản sinh ra sự chính trực hay sự tự do của Kitô hữu cả. Chỉ duy một luận điểm mà thôi cũng cung cấp đủ chứng cứ cho mệnh đề vừa nói. Linh hồn nào được ích lợi gì khi thân xác khỏe khoắn, tự do, và linh hoạt, và ăn, uống và hành động tùy ý thích? Vì trong các phương diện này, cả những người nô lệ tội lỗi không hề có Chúa cũng rất hả hê. Mặt khác, sức khỏe kém hay bị cầm tù, bị đói, bị khát hay bất cứ tai họa bên ngoài nào khác nào có làm hại chi tới linh hồn? Ngay những người có Chúa hơn cả, và những người tự do nhờ lương tâm trong sáng, cũng bị những điều này làm cho khốn khổ. Không một điều nào trong số này đụng tới sự tự do hay ách nô lệ của linh hồn. Chẳng giúp gì cho linh hồn khi thân xác được trang trí bằng phẩm phục thánh của linh mục hay được cư ngụ tại nơi thánh hoặc bận bịu với các nhiệm vụ thánh thiêng, hay cầu nguyện, ăn chay, kiêng một số loại thực phẩm nào đó, hay làm bất cứ việc gì có thể làm bởi thân xác và trong thân xác. Sự chính trực và sự tự do của linh hồn đòi một điều khác hẳn vì những điều vừa nhắc có thể được làm bởi bất cứ người ác

đức nào. Những việc như thế không sản sinh được gì ngoại trừ những kẻ giả hình. Mặt khác, thân xác cũng không gây hại cho linh hồn nếu nó phải mặc quần áo thể tục, cư ngụ tại các nơi không được thánh hiến, ăn, uống như mọi người khác, không cầu nguyện lớn tiếng, và sao lãng những việc trên đây vốn được những kẻ giả hình thực hành.

Hơn nữa, dành dụm mọi loại công việc, thậm chí cả chiêm niệm, suy niệm, và mọi điều linh hồn có thể làm, cũng vô ích. Chỉ một điều, một điều duy nhất mà thôi, cần thiết cho cuộc sống Kitô hữu, cho sự chính trực, và sự tự do. Điều duy nhất ấy chính là lời hết sức thánh thiện của Thiên Chúa, là tin mừng của Chúa Kitô, như chính Chúa Kitô đã nói trong Gioan 11:25: “Chính Thầy là sự sống lại và là sự sống. Ai tin vào Thầy thì dù đã chết, cũng sẽ được sống”; và trong Gioan 8:36: “nếu người Con có giải phóng các ông, các ông mới thực sự là những người tự do”; và trong Máthêu 4:4: “Người ta sống không chỉ nhờ cơm bánh, nhưng còn nhờ mọi lời miệng Thiên Chúa phán ra”. Như thế, ta hãy coi là chắc chắn và hoàn toàn được xác minh rằng linh hồn không cần gì khác ngoài Lời Thiên Chúa và rằng nơi nào thiếu Lời Chúa nơi ấy không hề có trợ giúp nào cho linh hồn. Nếu có Lời Thiên Chúa, nơi ấy giàu có và không còn thiếu thốn gì vì đây là Lời sự sống, là chân lý, ánh sáng, bình an, chính trực, cứu rỗi, hân hoan, tự do, khôn ngoan, sức mạnh, ơn thánh, vinh quang, và mọi phúc lành không thể tính toán được. Đó là lý do khiến tiên tri trong toàn bộ Thánh Vịnh 119 và nhiều nơi khác nữa khát mong và luyện tiếc Lời Thiên Chúa và sử dụng nhiều tên để mô tả Lời ấy.

Đàng khác, không còn tai họa khủng khiếp nào bị cơn thịnh nộ của Chúa giáng xuống con người cho bằng cơn đói khát được nghe Lời Người như chính Người đã nói trong Amos 8:11. Cũng thế, không còn lòng thương xót nào lớn hơn việc Người gửi Lời Người xuống, như ta đọc thấy trong Thánh Vịnh 107:20: “Người gửi lời Người xuống, và chữa lành họ, cùng giải thoát họ khỏi bị hủy diệt”. Mà Chúa Kitô cũng không được sai đến thế gian vì bất cứ thừa tác vụ nào khác ngoại trừ thừa tác vụ Lời. Hơn nữa, toàn bộ đẳng cấp thiêng liêng, mọi tông đồ, giám mục và linh mục, đều chỉ được kêu gọi và bổ nhiệm cho thừa tác vụ Lời mà thôi.

Quý vị có thể thắc mắc “như vậy Lời Chúa là gì, và nên sử dụng Lời này ra sao, vì lời Chúa thì nhiều lắm?” Tôi xin thưa: Thánh Tông Đồ đã giải thích điều này trong thư Rôma 1. Lời đây là tin mừng của Thiên Chúa liên quan tới Con của Người, Đấng đã thành xác phàm, đã chịu thống khổ, đã sống lại từ cõi chết, và được hiển vinh nhờ Chúa Thánh Thần, Đấng thánh hóa. Rao giảng Chúa Kitô là nuôi sống linh hồn, làm nó ra chính trực, giải phóng nó, và cứu rỗi nó, miễn là nó tin lời rao giảng. Theo Rm 10:9, chỉ có đức tin mới là việc sử dụng có tính cứu rỗi và có hiệu quả Lời Thiên Chúa: “nếu anh chị em dùng miệng lưỡi tuyên xưng Chúa Giêsu là Chúa và tin thật trong lòng rằng Thiên Chúa đã làm Người trỗi dậy từ cõi chết, anh chị em sẽ được cứu rỗi”. Xa trước đó “Chúa Kitô là cùng đích của lề luật, để mọi người có đức tin đều được công chính hóa” (Rm 10:4). Ngoài ra, Rm 1:17 còn cho hay “Ai nhờ đức tin nên công chính sẽ được sống”. Không thể tiếp nhận hay trân quý Lời Thiên Chúa bằng bất cứ việc làm nào nhưng chỉ bằng đức tin mà thôi. Cho nên, điều rõ ràng là linh hồn chỉ cần Lời Thiên Chúa để được sống và được chính trực thế nào, thì nó cũng chỉ được công chính hóa nhờ đức tin mà thôi chứ không nhờ bất cứ việc làm nào như thế; vì nếu nó có thể được công chính hóa nhờ bất cứ điều gì khác, thì nó đâu cần đến Lời, và do đó, đâu cần tới đức tin.

Đức tin này không thể hiện hữu song song với việc làm, nghĩa là, nếu đồng thời cho rằng mình được công chính hóa nhờ việc làm, bất kể việc làm này có đặc tính gì, vì như thế cũng không khác gì là “nhảy khập khiễng hai chân” (1V 18:21), là vừa thờ Baal vừa hôn chính tay mình (Gióp 31: 27-28), một việc, như chính Gióp nói, vốn là tội ác đáng trừng phạt. Cho nên, lúc quý vị bắt đầu tin, quý vị học được rằng mọi sự trong quý vị đều đáng chê trách, đều tội lỗi, và đáng trừng phạt như Thánh Tông Đồ từng viết trong thư Rm 3:23: “Vì mọi người đều



phạm tội và bị tước mất vinh quang Thiên Chúa” và “không ai là người công chính, không, không một ai cả. Người người đã lìa xa chánh lộ, chỉ biết theo nhau làm chuyện suy đồi” (3:10-12). Khi đã học được điều đó, quý vị sẽ biết quý vị cần Chúa Kitô, Đấng đã chịu thống khổ và đã sống lại vì quý vị để nếu quý vị tin vào Người, thì nhờ đức tin này, quý vị sẽ trở nên con người mới bao lâu tội lỗi của quý vị được tha thứ và quý vị được công chính hóa nhờ công phúc của một người khác là một mình Chúa Kitô mà thôi.

Bởi thế, vì đức tin này chỉ có thể thống ngự trong con người bên trong, như Rm 10:10 dạy, “vì con người tin thật trong lòng nên họ được công chính hóa” và vì chỉ có đức tin mới công chính hóa được, nên rõ ràng con người bên trong không thể nào được công chính hóa, được tự do hay được cứu rỗi nhờ bất cứ việc làm hay hành động bên ngoài nào, và những việc làm này, bất kể tính chất chúng như thế nào, cũng không đáng giá tới con người bên trong cả. Đàng khác, chỉ có sự vô thần và bất tín trong lòng, chứ không có việc làm nào khác, làm họ trở thành đầy tớ tội lệ và đáng trừng phạt của tội lỗi. Do đó, mọi Kitô hữu phải lưu tâm trước hết tới việc đặt mọi tin tưởng ra ngoài việc làm và mỗi ngày mỗi củng cố một mình đức tin mà thôi và nhờ đức tin mà lớn lên trong nhận thức, không phải về việc làm, mà về Chúa Giêsu Kitô, Đấng đã chịu thống khổ và đã sống lại vì họ, như Thánh Phêrô vốn dạy trong trong chương cuối thư thứ nhất của ngài (1Pr 5:10). Không việc nào khác làm nên một Kitô hữu. Bởi thế, như Thánh Gioan đã tường thuật ở Ga 6:28, khi người Do Thái hỏi Chúa Kitô họ phải làm gì “để thể hiện công việc của Thiên Chúa”, Người đã gạt qua một bên mọi việc làm bị Người coi là dư thừa và chỉ gợi ý một việc, đó là “Công việc của Thiên Chúa là anh em tin vào Đấng Người đã sai đến” (Ga 6:29); “vì trên Người, Thiên Chúa Cha đã đóng ấn của Người” (Ga 6:27).

Cho nên, đức tin chân thực vào Chúa Kitô là kho tàng khôn sánh, đem theo nó ơn cứu rỗi trọn vẹn và cứu con người khỏi mọi sự ác, như Chúa Kitô đã quả quyết trong chương cuối Tin Mừng Máccô 16:16: “Ai tin và chịu phép rửa sẽ được cứu rỗi; nhưng ai không tin sẽ bị kết án”. Isaiia chiêm niệm kho tàng này và đã tiên báo về nó trong chương 10: “Chúa sẽ tạo ra trên lãnh thổ một lời nhỏ nhưng rất chi phối, và lời này sẽ tràn đầy sự chính trực” (xem Is 10:22). Như thế ông muốn nói: “đức tin, vốn là sự nên trọn tuy nhỏ nhưng trọn vẹn của lề luật, sẽ đổ đầy tín hữu một sự công chính lớn lao đến nỗi họ không cần điều gì khác nữa để được chính trực”. Trong Rm 10:10, Thánh Phaolô cũng nói thế: “người tin thật trong lòng, sẽ nhờ đó được công chính hóa”.

Nếu quý vị hỏi làm sao lại có việc chỉ một mình đức tin mới công chính hóa và đem lại cho ta một kho tàng ơn phúc lớn lao không cần việc làm trong khi biết bao việc làm, biết bao nghi lễ và luật lệ đã được truyền kê trong Thánh Kinh, thì tôi xin thưa: trước hết, xin hãy nhớ những điều đã nói, tức là, chỉ có đức tin, chứ không phải việc làm, mới công chính hóa, giải phóng và cứu rỗi; ta sẽ làm cho điều này rõ ràng hơn sau này. Ở đây, ta phải nhấn mạnh rằng toàn bộ Thánh Kinh của Thiên Chúa được chia thành hai phần: các giới răn và các lời hứa. Dù giới răn dạy những điều tốt, các điều được dạy này không được thực hành ngay khi chúng được giảng dạy, vì giới răn dạy ta điều phải làm nhưng không cho ta sức mạnh để làm việc đó. Chúng nhằm dạy con người biết mình, để qua chúng, họ có thể nhận ra sự thiếu khả năng của họ trong việc làm điều tốt và rất có thể sẽ thất vọng về khả năng của mình. Chính vì thế chúng được gọi là Cự Ước, và quả đã tạo nên Cự Ước. Thí dụ, giới răn “Người không được thèm muốn” (Xh 20:17) là giới răn muốn chứng minh rằng mọi người chúng ta đều có tội, vì không ai tránh được việc thèm muốn, bất kể họ đấu tranh chống lại nó ra sao. Cho nên, để không thèm muốn và làm trọn giới răn này, con người phải thất vọng về chính mình, và tìm sự trợ giúp mà họ không tìm thấy nơi đâu trong chính họ cũng như trong bất cứ ai khác, như đã quả quyết trong Hs 13:9: “Hỡi Israel, sự hủy diệt là của riêng ngươi, sự trợ giúp ngươi

chỉ có nơi Ta”. Ta xử sự với một giới răn thế nào thì cũng xử sự như thế với mọi giới răn khác, vì ta cũng đều không giữ được bất cứ giới răn nào.

Nay, khi con người nhờ các giới răn mà học được việc biết thừa nhận sự bất lực của mình và lo lắng về việc làm sao mình có thể thỏa mãn lề luật, vì lề luật phải được chu toàn đến nỗi một chấm một phẩy cũng không được để mất, nếu không, con người sẽ bị kết án không còn hy vọng, đây là lúc, thực sự khiêm hạ và bị giảm lược thành số không dưới chính mắt họ, họ không tìm được điều gì trong chính họ nhờ đó họ được công chính hóa hay được cứu rỗi. Đến đây, phần thứ hai của Sách Thánh đến giúp ta, tức các lời hứa của Thiên Chúa vốn công bố vinh quang của Người; lời hứa này nói rằng “nếu bạn muốn chu toàn lề luật chứ không ham muốn, như lề luật đòi hỏi, hãy đến, hãy tin vào Chúa Kitô nơi Người, ơn thánh, sự chính trực, bình an, tự do, và mọi sự đã được hứa hẹn cho bạn. Nếu bạn tin, bạn sẽ có đủ mọi sự; nếu bạn không tin, bạn sẽ thiếu mọi sự”. Điều bạn không thể hoàn thành bằng cách cố gắng chu toàn mọi việc làm tốt theo lề luật, rất nhiều và hoàn toàn vô ích, bạn sẽ chu toàn nhanh chóng và dễ dàng nhờ đức tin. Thiên Chúa, Cha chúng ta, đã khiến mọi sự lệ thuộc đức tin để bất cứ ai có đức tin đều sẽ có mọi sự, và ai không có đức tin sẽ không có gì hết. Như đã có lời quả quyết trong thư Rôma 11:32: “Thiên Chúa đã giam hãm mọi người trong tội không vâng phục, để thương xót mọi người” (Rm 11:32). Như thế, các lời hứa của Thiên Chúa đem lại điều các Giới Răn của Thiên Chúa đòi hỏi và chu toàn điều lề luật truyền lệnh để mọi sự thuộc về một mình Thiên Chúa, cả các giới răn lẫn việc chu toàn chúng. Một mình Người truyền lệnh, một mình Người chu toàn. Do đó, các lời hứa của Thiên Chúa thuộc về Tân Ước. Quả thực, chúng là Tân Ước.

Vì các lời hứa của Thiên Chúa này là những lời thánh thiện, chân thực, công chính, tự do và bình an, đầy tốt lành, nên linh hồn nào bám vào chúng bằng một đức tin vững vàng sẽ kết hợp với chúng một cách mật thiết và hoàn toàn tan hòa bởi chúng đến nỗi không những được dự phần vào sức mạnh của chúng mà còn được bảo hòa và say ngất bởi chúng nữa. Nếu một cái đụng của Chúa Giêsu cũng đủ chữa lành bệnh, thì cái đụng thiêng liêng liêng diệu này, sự tan hòa của Lời này sẽ thông truyền cho linh hồn mọi sự vốn thuộc Ngôi Lời xiết bao hơn nữa. Do đó, đây là lý do tại sao nhờ đức tin mà thôi không cần việc làm, linh hồn được công chính hóa, biến thành chân thật, bình an, tự do, đầy rẫy mọi chúc phúc, và thực sự trở thành con cái Thiên Chúa như Ga 1:12 viết “Nhưng với những ai... tin vào danh Người, Người sẽ ban cho năng lực để trở thành con cái Thiên Chúa”.

Từ những điều nói trên đây, ta dễ dàng thấy từ nguồn nào, đức tin đã dẫn khởi được một năng lực lớn lao như thế và tại sao việc làm tốt hay mọi việc làm tốt cộng lại không thể bằng nó. Không việc làm tốt nào có thể dựa vào Lời Thiên Chúa hay sống trong linh hồn, vì một mình đức tin và Lời Chúa đang thống trị trong linh hồn.

Y hệt như chiếc bàn ủi nóng rực sáng như lửa nhờ sự kết hợp của lửa với nó, Lời cũng ban bỏ các đặc tính của nó như thế cho linh hồn. Như thế, rõ ràng các Kitô hữu có mọi thứ họ cần trong đức tin và không cần đến việc làm nào để công chính hóa mình; và nếu họ không cần một việc làm nào, họ cũng không cần lề luật; và nếu họ không cần lề luật, thì chắc chắn họ thoát khỏi lề luật. Đúng là “lề luật không được đặt để cho người công chính” (1Tm 1:9). Điều này có ý nói tự do của Kitô hữu, đức tin của chúng ta, không xui khiến ta sống lười biếng hay xấu ác nhưng làm cho lề luật và việc làm trở thành không cần thiết cho sự chính trực hay cứu rỗi của bất cứ ai.

Đó là năng lực thứ nhất của đức tin. Bây giờ, ta hãy khảo sát năng lực thứ hai. Một chức năng khác của đức tin là nó vinh danh người nó tín thác một cách tôn kính và tôn trọng cao nhất vì

nó coi người này chân thật và đáng tin cậy. Không có vinh dự nào ngang bằng với việc lượng giá sự chân thật và đáng tin cậy ta dùng tôn vinh người ta tín thác. Liệu ta có thể gán cho ai điều gì cao hơn sự chân thật, chính trực và tốt lành? Một đàng, không cách nào trong đó ta tỏ lòng khinh miệt lớn hơn đối với một ai đó cho bằng coi anh ta sai lạc, xấu xa và hoài nghi họ như ta thường làm khi ta không tin tưởng họ. Cho nên, khi linh hồn tín thác mạnh mẽ vào các lời Chúa hứa, nó coi Người chân thật và chính trực. Không điều gì trở vượt hơn thế có thể gán cho Thiên Chúa. Việc thờ phượng Thiên Chúa cao nhất chính là ta gán cho Người sự chân thật, sự chính trực, và bất cứ điều gì khác nên gán cho người được tín thác. Khi việc này được thực hiện, linh hồn thuận theo thánh ý Người. Lúc ấy, nó sáng danh Người và để mình được Thiên Chúa mặc tình đối xử vì, bám chặt vào các lời hứa của Thiên Chúa, nó không còn hoài nghi chi nữa. Đáng vốn chân thật, công chính và khôn ngoan sẽ làm, sẽ sắp đặt và cung cấp mọi sự một cách tốt đẹp.

Nhờ đức tin, một linh hồn như thế há lại không vâng nghe Thiên Chúa trong mọi sự hay sao? Còn giới răn nào một sự vâng nghe như thế lại không chu toàn trọn vẹn? Còn sự chu toàn nào trọn vẹn hơn sự vâng nghe trong mọi sự? Tuy nhiên, sự vâng nghe này không được thực hiện qua việc làm mà là qua một mình đức tin mà thôi. Một đàng, còn có sự nổi loạn nào lớn hơn chống lại Thiên Chúa, còn sự ác xấu nào lớn hơn, còn sự khinh miệt Thiên Chúa nào lớn hơn bằng việc không tin tưởng các lời Người hứa hẹn? Vì điều này là chi nếu không phải biến Thiên Chúa thành người nói láo hay hoài nghi Người chân thật? tức là, gán sự chân thật cho bản thân mình và gán dối trá và phù phiếm cho Thiên Chúa? Há một người làm như thế không bác bỏ Thiên Chúa và đặt Người thành một ngẫu tượng trong tâm hồn mình? Rồi, các việc làm thực hiện trong sự xấu xa như thế thì có gì tốt, dù là việc làm của các thiên thần và các tông đồ? Cho nên, Thiên Chúa rất đúng trong việc bao gồm mọi sự, không phải vào sự giận dữ hay thêm muốn, mà vào sự bất tín, để những ai tưởng tượng rằng họ chu toàn lề luật bằng cách thực hiện các việc làm khiết tịnh và thương xót do lề luật đòi hỏi (các nhân đức dân sự và nhân bản) thì được cứu rỗi. Họ được bao gồm vào tội bất tín và một là phải xin sự thương xót hoặc bị kết án một cách phải lẽ.

Tuy nhiên, khi Thiên Chúa thấy chúng ta coi Người chân thật và bằng đức tin tận cõi lòng, dành cho Người niềm vinh dự lớn lao Người đáng được, Người sẽ dành cho chúng ta vinh dự lớn lao bằng cách coi chúng ta chân thật và chính trực vì cùng một đức tin của chúng ta. Đức tin tạo sự thật và chính trực bằng việc dành cho Thiên Chúa điều vốn thuộc về Người. Bởi thế, đền lượt Người, Thiên Chúa vinh danh sự chính trực của ta. Thật đúng và chính đáng là Thiên Chúa chân thật và công chính và ai coi Người và tuyên xưng Người như thế cũng là người chân thật và công chính. Thành thử, Người nói trong 1Sm 2:30: “Ai tôn vinh Ta, Ta sẽ tôn vinh nó, còn ai khinh thường Ta, sẽ bị khinh thường”. Thánh Phaolô cũng nói như thế trong Rm 4:3 rằng “Ông Ápraham đã tin Thiên Chúa, và vì thế được kể là người công chính” vì nhờ đức tin, ông dành vinh dự hoàn hảo nhất cho Thiên Chúa, và vì cùng một đức tin như thế, đức tin của chúng ta cũng được kể cho chúng ta là chính trực nếu chúng ta tin.

Phúc lộc khôn sánh thứ ba của đức tin là nó kết hợp linh hồn với Chúa Kitô như nàng dâu kết hợp với chàng rể. Qua mầu nhiệm này, như Thánh Tông Đồ dạy, Chúa Kitô và linh hồn trở nên một thân xác (Eph 5:31-32). Và nếu họ là một thân xác và giữa họ có một cuộc hôn nhân đích thực – đúng là một cuộc hôn nhân hoàn hảo nhất trong mọi cuộc hôn nhân, vì các cuộc hôn nhân của con người chỉ là các thí dụ nghèo nàn của cuộc hôn nhân duy nhất chân thật này, thì mọi sự họ có đều coi là của chung, cả điều tốt lẫn điều xấu. Thành thử linh hồn có đức tin có thể huênh hoang về và vinh danh trong bất cứ điều gì Chúa Giêsu có như thể là của riêng mình. Ta hãy so sánh những điều này, thì sẽ thấy các phúc lộc khôn lường. Chúa Kitô đầy ơn thánh, sự sống, và ơn cứu rỗi. Linh hồn thì đầy tội lỗi, chết chóc, và luận phạt. Bây

giờ, hãy để đức tin đến giữa họ, thì tội lỗi, chết chóc, và luận phạt sẽ là của Chúa Kitô, trong khi on thánh, sự sống, và ơn cứu rỗi sẽ của linh hồn; vì nếu Chúa Kitô là chàng rể, hẳn Người phải mang lấy những gì của nàng dâu Người và ban cho nàng những gì là của Người. Nếu Người ban cho nàng thân thể Người và chính bản thân Người, thì làm sao Người lại không ban cho nàng mọi thứ Người có? Và nếu Người đã tiếp nhận thân thể của nàng dâu, thì làm sao Người lại không tiếp nhận mọi thứ nàng có?

Ở đây, chúng ta có một viễn kiến hài lòng nhất, không phải chỉ về hiệp thông mà còn về cuộc chiến đấu và chiến thắng cùng cứu rỗi và cứu chuộc đầy chúc lành nữa. Chúa Kitô là Thiên Chúa và là người phạm trong một ngôi vị. Người không phạm tội cũng không chết và không bị kết án, và Người không thể phạm tội, chết, hay bị kết án; sự chính trực, sự sống và ơn cứu rỗi của Người không ai thắng nổi, vĩnh cửu, toàn năng. Nhờ nhẫn cưới đức tin, Người chia sẻ tội lỗi, sự chết, và đau đớn hỏa ngục vốn của nàng dâu Người. Thực tế, Người biến chúng thành của riêng Người và hành động như thể chúng là của Người và như thể Người đã phạm tội; Người đã đau khổ, đã chết, và xuống hỏa ngục để Người có thể chiến thắng chúng. Giờ đây, vì có người làm mọi việc ấy nhưng sự chết và hỏa ngục không nuốt trứng được họ, thì nhất thiết những điều này phải bị người này nuốt trứng trong một trận thư hùng mạnh mẽ; vì sự chính trực của Người lớn hơn tội lỗi của mọi người, sự sống Người mạnh hơn sự chết, ơn cứu rỗi của Người vô địch hơn hỏa ngục. Nhờ thế, linh hồn có đức tin, nhờ đonan hứa đức tin của mình, được tự do trong Chúa Kitô, chàng rể của mình, tự do thoát khỏi mọi tội lỗi, an toàn khỏi chết và hỏa ngục và được phú ban cho sự chính trực, sự sống và ơn cứu rỗi đời đời của Chúa Kitô, chàng rể của mình. Nhờ thế, Người tiếp nhận cho mình một nàng dâu vinh hiển “không tỳ ố, không vết nhăn hoặc bất cứ một khuyết điểm nào, thanh tẩy Hội Thánh bằng nước và lời hằng sống” (xem Eph 5:26-27) nghĩa là, bằng đức tin vào Lời hằng sống, sự chính trực và ơn cứu rỗi. Qua cách này, Người kết hôn với Hội Thánh trong đức tin, tình yêu bền vững và trong thương xót, chính trực, và công lý, như Hs 2:19-20 vốn nói.

Như thế ai lượng giá được điều cuộc hôn nhân này mang ý nghĩa? Ai có thể hiểu được sự phong phú của vinh quang on thánh này? Ở đây, chàng rể giàu có và thần thiêng là Chúa Kitô cưới con điểm khôn khổ, ác xấu này, cứu chuộc nó khỏi mọi điều ác xấu của nó, và tô điểm nó bằng mọi điều tốt lành của Người. Nay, tội lỗi của nó không thể hủy diệt nó nữa, vì chúng đã được đặt lên Chúa Kitô và bị Người nuốt trứng rồi. Và nó có được sự chính trực kia nơi Chúa Kitô, chồng nó, một sự chính trực mà nó có thể huênh hoang là của riêng mình và nó vững tin khoe sự chính trực này song song với các tội lỗi của mình trước mặt sự chết và hỏa ngục mà nói rằng “Tao có phạm tội, thì Kitô của tao, Đáng mà tao tin, không phạm tội, và tất cả những gì của Chàng đều là của tao và tất cả những gì của tao đều là của Chàng” như nàng dâu trong Diễm Ca (2:16) từng nói: “Người yêu của tôi là của tôi và tôi là của Chàng”. Đó là điều Thánh Phaolô muốn nói khi ngài viết trong 1Cr 15:57: “Cảm tạ Thiên Chúa, Đáng đã ban cho chúng ta chiến thắng nhờ Chúa Giêsu Kitô, Chúa chúng ta” nghĩa là, chiến thắng tội lỗi và sự chết, như ngài cũng đã viết ở đây “Tử thần có độc là vì tội lỗi, mà tội lỗi có mạnh cũng tại có Lê Luật”.

Qua đó, bạn thấy một lần nữa rằng phần lớn đã được gán cho đức tin, nghĩa là, chỉ có nó mới có thể chu toàn lề luật và công chính hóa không cần việc làm. Bạn thấy rằng người ta chỉ chu toàn được Giới Răn thứ nhất, tức là, “Người phải thờ phượng một mình Thiên Chúa” bằng đức tin mà thôi. Dù bạn không là gì khác ngoài các việc làm tốt từ gót chân lên đến đỉnh đầu, bạn vẫn không chính trực hay thờ phượng Thiên Chúa hoặc chu toàn giới răn thứ nhất, vì Thiên Chúa không thể được thờ phượng ngoại trừ bạn dành cho ngài vinh quang chân thật và mọi điều tốt lành Người đáng có. Điều này không thể thực hiện bằng việc làm tốt mà chỉ bằng đức tin tận cõi lòng. Không phải bằng làm các việc mà bằng tin, chúng ta mới vinh danh

Thiên Chúa và nhìn nhận Người chân thật. Cho nên, chỉ một mình đức tin mới là sự chính trực của các Kitô hữu và mới chu toàn mọi giới răn, vì ai chu toàn Giới Răn Thứ Nhất sẽ không gặp khó khăn nào trong việc chu toàn các giới răn còn lại.

Nhưng các việc làm, vốn là những điều vô hồn, không thể vinh danh Thiên Chúa, mặc dù, nếu có sự hiện diện của đức tin, người ta có thể thực hiện chúng để vinh danh Thiên Chúa. Tuy nhiên, ở đây, chúng ta không tìm hiểu việc làm nào và loại việc làm nào được thực hiện, mà ai thực hiện các việc này, ai vinh danh Thiên Chúa và thi hành các việc làm. Điều này được thực hiện bằng đức tin, một điều cư ngụ trong trái tim và là nguồn và bản thể của mọi sự chính trực của chúng ta. Cho nên, quả là một học lý mù quáng và nguy hiểm khi dạy rằng phải chu toàn các giới răn bằng việc làm. Các giới răn phải được chu toàn trước khi bất cứ việc làm nào được thực hiện, và các việc làm phải diễn tiến từ việc chu toàn các giới răn (Rm 13:10) như ta sẽ được nghe.

Để ta có thể khảo sát sâu xa hơn ơn thánh mà con người nội tâm của chúng ta có nơi Chúa Kitô, ta phải hiểu ra rằng trong Cựu Ước, Thiên Chúa đã thánh hiến cho chính Người mọi trẻ nam đầu lòng. Sinh quyền này được đánh giá cao vì nó bao gồm vinh dự về hai phương diện: vinh dự tư tế và vinh dự làm vua. Người anh cả là linh mục và là chúa mọi người khác, và là một loại Chúa Kitô, người con đầu lòng đích thực và duy nhất của Thiên Chúa Cha và của Trinh Nữ Maria và là vua và linh mục đích thực, nhưng không theo lối xác thịt và thế gian vì vương quốc Người không thuộc thế gian này (Ga 18:36). Người thống trị trong mọi điều ở trên trời và thiên liêng và thánh hiến chúng – những điều như chính trực, sự thật, sự khôn ngoan, bình an, cứu rỗi v.v... Điều này không có nghĩa mọi sự trên trái đất và trong hỏa ngục không lệ thuộc Người – nếu không, làm thế nào Người bảo vệ và cứu chúng ta khỏi những thứ này? – nhưng vương quốc Người không hề nơi chúng cũng không thuộc về chúng. Chức linh mục của Người cũng không hề ở sự huy hoàng bên ngoài của phẩm phục và bộ điệu giống như chức linh mục phạm nhân của Aaron và giáo hội ngày nay; nhưng hệ ở những điều thiên liêng nhờ đó Người, bằng một buổi lễ vô hình, cầu bầu cho chúng ta ở trên trời trước nhan Thiên Chúa, trong đó, Người tự dâng mình làm của lễ, và làm mọi điều một linh mục nên làm, như Thánh Phaolô từng mô tả Người dưới dự hình (type) Menkixêđê trong Thư gửi tín hữu Do Thái (6:7). Người cũng không chỉ cầu nguyện và cầu bầu cho chúng ta nhưng Người còn dạy dỗ chúng ta trong nội tâm qua giáo huấn sống động của Thần Trí Người, do đó, thực hiện hai chức năng thực chất của một linh mục, trong đó, các lời cầu nguyện và việc giảng dạy của các linh mục phạm nhân là các dự hình hữu hình.

Nay, như Chúa Kitô, nhờ sinh quyền của mình mà nhận được hai đặc quyền thế nào, thì Người cũng ban bố chúng và chia sẻ chúng với mọi người tin Người theo đúng luật hôn nhân đã nói ở trên như thế, theo đó, người vợ sở hữu bất cứ điều gì thuộc về người chồng. Do đó, tất cả chúng ta, những người tin Chúa Kitô đều là linh mục và vương đế trong Chúa Kitô, như 1Pr 2:9 đã viết: “Anh chị em là dòng giống được tuyển chọn, là dân riêng của Thiên Chúa, là tư tế vương giả và là vương quốc tư tế, để anh chị em công bố các kỳ công của Đấng đã kêu gọi anh chị em ra khỏi bóng tối mà bước vào ánh sáng diệu kỳ của Người”.

Bản chất của chức linh mục và chức vương đế này là một điều như sau: Trước hết, liên quan đến chức vương đế, mọi Kitô hữu, nhờ đức tin, được tôn vinh trên hết mọi loài đến nỗi do sức mạnh thiên liêng, không còn gì có thể gây hại cho họ. Thật vậy, mọi sự đều được tạo dựng lệ thuộc họ và buộc phải phục vụ họ trong việc được cứu rỗi. Do đó, Thánh Phaolô viết trong Rm 8:28: “Thiên Chúa làm cho mọi sự đều sinh lợi ích cho những ai yêu mến Người” và trong 1 Cr 3:21-23: “Tất cả đều thuộc về anh em; dù là... sự sống, sự chết, hiện tại hay tương lai, tất cả đều thuộc về anh em, mà anh em thuộc về Chúa Kitô”. Điều này không có nghĩa

mọi Kitô hữu được đặt trên mọi loài để chiếm hữu và kiểm soát chúng bằng sức mạnh thể lý - một sự điên loạn mà một số người của giáo hội mắc phải - vì một sức mạnh như thể thuộc các vua chúa, ông hoàng và những người khác trên mặt đất. Kinh nghiệm thông thường của chúng ta ở trên đời cho chúng ta thấy chúng ta lệ thuộc đủ điều, chịu đựng đủ thứ, thậm chí phải chết. Thực vậy, một Kitô hữu càng là người thì họ càng chịu nhiều sự ác, đau khổ, và chết như chúng ta đã thấy nơi Chúa Kitô, Người chính là hoàng tử đầu lòng, và nơi các anh chị em của Người là các thánh. Sức mạnh chúng ta nói ở đây là sức mạnh thiêng liêng. Nó thống trị giữa các kẻ thù và mạnh mẽ giữa cảnh áp bức. Điều này không có nghĩa nào khác hơn là “sức mạnh trở nên hoàn hảo trong yếu đuối” (2Cr 12:9) và trong mọi sự, tôi được sinh ích hướng tới ơn cứu rỗi (Rm 8:28), đến nỗi, thập giá và cả sự chết cũng buộc phải phục vụ tôi và cùng làm việc với tôi cho ơn cứu rỗi của tôi. Đây là đặc ân tuyệt vời và khó có được, một sứ mạng thực sự toàn năng, một thống trị thiêng liêng trong đó, không điều gì tốt đến thế và không có điều gì xấu đến thế, nhưng nó sẽ cùng tôi làm việc vì điều tốt cho tôi, nếu tôi tin. Đúng, vì một mình đức tin đủ cho ơn cứu rỗi, nên tôi không cần bất cứ điều gì ngoài đức tin, một đức tin thi hành sức mạnh và sự thống trị do chính tự do của mình. Trông kia, đây là sức mạnh và tự do khôn lường của các Kitô hữu.

Không những chúng ta là những ông vua tự do nhất, chúng ta còn là linh mục đời đời nữa, một điều trở vượt xa việc được làm vua, vì trong tư cách linh mục, chúng ta xứng đáng xuất hiện trước nhan Thiên Chúa để cầu nguyện cho người khác và giảng dạy cho nhau các sự thuộc về Thiên Chúa. Đó là các chức năng của linh mục, và chúng không thể được ban cho bất cứ kẻ không tin nào. Như thế, Chúa Kitô làm chúng ta có thể, miễn là chúng ta tin Người, trở thành không những anh em của Người, đồng thừa kế với Người, và cùng làm vua với Người, mà còn cùng làm linh mục với Người nữa. Cho nên, chúng ta có thể mạnh dạn đến trước mặt Thiên Chúa trong đức tin (Dt 10: 19, 22) mà hô lên “Abba, Cha ơi!” mà cầu cho nhau, và làm mọi điều ta thấy thực hiện và tiên báo trong các việc làm bề ngoài và hữu hình của các linh mục.

Tuy nhiên, kẻ không tin thì không điều gì phục vụ họ cả. Ngược lại, không điều gì làm việc cho lợi ích của họ hết, nhưng họ phải làm đầy tớ cho mọi sự, và mọi sự trở thành xấu cho họ vì họ đã sử dụng chúng cách xấu xa cho lợi thế riêng của họ chứ không cho vinh quang của Thiên Chúa. Nên họ không phải là linh mục, nhưng là kẻ xấu xa mà lời cầu nguyện trở thành tội lỗi và không bao giờ đến trước nhan Thiên Chúa vì Thiên Chúa không lắng nghe kẻ tội lỗi (Ga 9:31). Như thế, ai có thể thấu hiểu phẩm giá cao quý của các Kitô hữu? Do năng quyền vương đế, họ thống trị mọi sự, sự chết, sự sống, và tội lỗi, và nhờ vinh quang tư tế, họ toàn năng cùng với Thiên Chúa vì họ thực hiện những điều Thiên Chúa yêu cầu và mong muốn, như có lời chép “Người sẽ làm trọn ý nguyện của những kẻ kính sợ Người; Người cũng sẽ nghe tiếng kêu của họ và cứu vớt họ” (xem Pl 4:13). Người ta đạt tới vinh quang này chắc chắn không bằng bất cứ việc làm nào của họ, nhưng bằng một mình đức tin mà thôi.

Do đó, bất cứ ai cũng có thể thấy rõ: Kitô hữu tự do đối với mọi sự và đứng trên mọi sự đến nỗi họ không cần bất cứ việc làm nào để làm cho mình thành chính trực và cứu được mình, vì một mình đức tin dư mang đến những điều này. Tuy nhiên, nếu họ trở nên đại dốt đến cho rằng họ có thể nên chính trực, tự do, được cứu rỗi, và là một Kitô hữu nhờ một số việc làm tốt nào đó, thì lập tức họ đánh mất đức tin và mọi ơn ích của nó, một sự đại dốt có thể được minh họa rất thích đáng trong ngụ ngôn con chó chạy dọc bờ suối với miếng thịt trong miệng và, vì bị lừa bởi hình ảnh miếng thịt phản chiếu trong nước, há miệng ra để đón hình ảnh ấy nên đánh mất cả miếng thịt lẫn hình ảnh phản chiếu nó.

Các bạn sẽ hỏi, “Nếu mọi người trong Giáo Hội đều là linh mục cả, thì những vị hiện chúng

ta gọi là linh mục khác người giáo dân ra sao?” Tôi xin trả lời: Quả là bất công khi những chữ như “linh mục”, “giáo sĩ”, “thiêng liêng”, “người của giáo hội” (ecclesiastic) được chuyển từ mọi Kitô hữu sang ít vị mà do việc dùng tai hại được gọi là “người của giáo hội”. Thánh Kinh không hề đưa ra sự phân biệt giữa họ này, mặc dù có dùng các chữ “thừa tác viên”, “đầy tớ”, “người quản lý” để chỉ những người nay tự hào gọi là giáo hoàng, giám mục và ngài (lords) và đều là những người, theo thừa tác vụ Lời Chúa, nên phục vụ người khác và giảng dạy họ đức tin vào Chúa Kitô và tự do của các tín hữu. Mặc dù tất cả chúng ta đều là linh mục ngang nhau, nhưng tất cả chúng ta không thể công khai thừa tác và giảng dạy được. Chúng ta không nên làm vậy dù có thể. Thành thử Thánh Phaolô từng viết trong 1Cr 4:1 rằng “Vậy chớ gì thiên hạ coi chúng tôi như những đầy tớ của Đức Kitô, những người quản lý các mầu nhiệm của Thiên Chúa”.

Tuy nhiên, việc quản lý trên nay đã phát triển thành một cuộc trình diễn quyền lực lớn lao và một sự chuyên chế khủng khiếp đến nỗi không một đế quốc ngoại giáo hay một quyền lực trần gian nào khác có thể so sánh bằng, như thể các giáo dân không phải là Kitô hữu nữa. Với sự bóp méo này, nhận thức về ơn thánh, đức tin, tự do của Kitô Giáo, và cả về Chúa Kitô hoàn toàn sụp đổ và thay thế cho nó là cái ách việc làm không chịu nổi của con người và lệ luật cho tới khi chúng ta trở thành, như Ai Ca của Giêrêmia từng nói, tôi đòi cho những kẻ xấu xa nhất trên trần gian, những kẻ lạm dụng số phận không may của ta để chỉ phục vụ duy nhất ý muốn hèn hạ và đáng xấu hổ của họ.

Trở lại với các mục đích của chúng ta, tôi tin rằng ngày nay ai cũng đã hiểu rõ rằng giảng giải về việc làm, đời sống và lời nói của Chúa Giêsu như những sự kiện lịch sử là điều không đủ và không có nghĩa Kitô giáo, như thể biết được những điều này đã đủ cho tác phong hướng dẫn đời mình; thế nhưng, đây là thời thượng nơi những người được kể là những nhà giảng thuyết hay nhất thời ta. Càng thiếu sót hơn nữa khi không giảng dạy chi về Chúa Kitô và thay vào đó, đi giảng dạy lệ luật của con người và các sắc chỉ của cha ông. Hiện nay không ít người giảng giải về Chúa Kitô và đọc về Người để đánh động người ta có thiện cảm với Chúa Kitô và ghét bỏ người Do Thái, và những điều vô nghĩa có tính con nít và đàn bà như thế. Đúng hơn, Chúa Kitô phải được giảng giải đến cùng để đức tin vào Người được củng cố, tin rằng không những Người là Chúa Kitô, mà còn là Chúa Kitô của bạn và của tôi và những điều được nói về Người và biểu thị nhân danh Người có thể có hiệu quả trong chúng ta. Đức tin như thế được phát sinh và duy trì trong ta nhờ rao giảng tại sao Người đã đến, Người đem đến và ban phát những gì, sẽ được ơn ích chi nếu ta tiếp nhận Người. Điều này được thực hiện khi tự do của Kitô hữu, thứ tự do Người ban phát được giảng dạy một cách đúng đắn và chúng ta được nghe bằng cách nào chúng ta hết thấy đều là vua, đều là tư tế và, do đó, đều là chúa muôn loài và tin vững vàng rằng bất cứ làm gì, điều này cũng làm Thiên Chúa vui lòng và có thể chấp nhận trước nhan Thiên Chúa, như tôi đã nói.

Liệu có người nào khi lòng, được nghe những điều trên, lại không hân hoan đến tận đáy, và khi nhận được niềm an ủi như thế lại không dụi dàng để yêu Chúa Kitô như chưa bao giờ yêu đến thế bằng bất cứ lệ luật hay việc làm nào? Ai có sức gây hại hay làm khiếp sợ một cõi lòng như thế? Nếu việc biết tội và sợ chết có lên vào nó chẳng nữa, nó vẫn sẵn sàng trông cậy vào Chúa. Nó sẽ không sợ hãi khi nghe những tin tức xấu. Nó sẽ không bối rối khi thấy địch thù. Được như thế vì nó tin rằng sự chính trực của Chúa Kitô là sự chính trực của chính nó và tội lỗi của nó không phải của nó nữa mà là của Chúa Kitô, và mọi tội lỗi đều được sự chính trực của Chúa Kitô nuốt chửng. Như đã nói trên đây, đó là hậu quả tất yếu của đức tin vào Chúa Kitô. Do đó, trái tim ta học được cách chế giễu sự chết và tội lỗi và nói như thánh Tông đồ rằng “Hỡi tử thần, đâu là chiến thắng của ngươi? Hỡi tử thần, đâu là nọc độc của ngươi? Tử thần có độc là vì tội lỗi, mà tội lỗi có mạnh cũng tại có Lệ Luật. Nhưng tạ ơn Thiên Chúa,

vì Người đã cho chúng ta chiến thắng nhờ Đức Giêsu Kitô, Chúa chúng ta” (1Cr 15:55-57). Sự chết đã bị nuốt chửng không những trong chiến thắng của Chúa Kitô mà còn bởi chiến thắng của chính chúng ta nữa, vì, nhờ đức tin, chiến thắng của Người đã trở thành chiến thắng của chính chúng ta và trong đức tin ấy, chúng ta cũng là những người chiến thắng.

Hãy để điều đó đủ với chúng ta liên quan tới con người bên trong, tới tự do của họ, và là nguồn tự do của họ, sự chính trực của đức tin. Con người này không cần lề luật cũng như các việc làm tốt nhưng, trái lại, bị thương tích bởi chúng nếu họ tin rằng họ được công chính nhờ chúng.

Giờ đây, chúng ta hãy hướng qua phần thứ hai, con người bên ngoài. Ở đây, ta sẽ trả lời cho tất cả những ai, bị xúc phạm bởi chữ “đức tin” và bởi những điều đã được nói trên đây, nay lên tiếng hỏi “nếu đức tin làm mọi điều và một mình nó đủ để được công chính, thì tại sao lại có lệnh truyền phải làm các việc tốt? Chúng tôi sẽ thoải mái chả cần phải làm việc gì và hài lòng với đức tin mà thôi”. Tôi xin trả lời: không phải thế, bởi những kẻ xấu xa, không phải thế. Quả thích đáng nếu chúng ta là những con người hoàn toàn bên trong và hoàn toàn tâm linh. Nhưng chúng ta chỉ được như thế vào ngày sau hết, ngày kẻ chết sống lại. Bao lâu còn sống trong thân xác, chúng ta chỉ bắt đầu thực hiện tiến bộ trong điều sẽ trở thành hoàn hảo trong cuộc sống tương lai. Vì lý do này, Thánh Tông đồ, trong Rm 8:23, gọi tất cả những gì chúng ta có thể đạt được ở đời này là “các hoa trái đầu tiên của Thần khí” vì quả thực chúng ta sẽ nhận được phần lớn hơn, thậm chí sự viên mãn của Thần khí, trong tương lai. Đây là nơi để quả quyết rằng điều đã nói trên đây, tức việc Kitô hữu là đầy tớ mọi người và phải phục tùng mọi người. Bao lâu là người tự do, họ không thực hiện việc làm nào cả, nhưng bao lâu họ là đầy tớ, họ làm đủ loại việc làm. Chúng ta sẽ thấy tại sao lại như thế.

Như tôi đã thưa, dù một người được đức tin công chính hóa dư đầy và đầy đủ ở bên trong, trong tinh thần của họ, và do đó, có đủ những điều cần thiết, ngoại trừ việc đức tin này và những châu báu này phải mỗi ngày mỗi tăng trưởng, thậm chí cho tới đời sau, thì họ vẫn còn sống trong cuộc sống tử sinh này trên mặt đất. Ở đời này, họ phải kiểm soát thân xác họ và phải cư xử với mọi con người khác. Ở đây, các việc làm phải khởi đầu; ở đây, con người không thể hưởng nhân; ở đây, quả thực họ phải lưu ý ra kỷ luật cho thân xác họ bằng ăn chay, canh chừng, lao động, và các kỷ luật hữu lý khác và bắt nó tùng phục Thần Khí nhằm để nó vâng theo và sống phù hợp với con người bên trong và đức tin chứ không nổi loạn chống đức tin và cản trở con người bên trong, như bản chất của thân xác quen làm nếu không bị kiểm soát. Con người bên trong, tức con người do đức tin, được tạo dựng giống hình ảnh Thiên Chúa, vừa hân hoan vừa hạnh phúc nhờ Chúa Kitô, Đáng mà trong Người nhiều ơn phúc đã được ân ban cho họ; và, do đó, bận tâm số một của họ là phụng sự Thiên Chúa một cách hân hoan mà không nghĩ gì tới lợi lộc, trong yêu thương không hạn chế.

Trong khi làm như thế, quả họ gặp một ý chí ngược hẳn lại trong chính xác thịt họ, một xác thịt luôn muốn phụng sự thế gian và tìm các lợi điểm của thế gian. Tinh thần đức tin không thể dung thứ cho điều đó, nhưng với lòng nhiệt thành hân hoan, tinh thần này tìm cách bắt thân xác phải bị kiểm soát, phải chịu kiểm chế, như Thánh Phaolô đã viết trong Rm 7:22-23, “Theo con người nội tâm, tôi vui thích vì luật của Thiên Chúa; nhưng trong các chi thể của tôi, tôi lại thấy một luật khác : luật này chiến đấu chống lại luật của lý trí và giam hãm tôi trong luật của tội lỗi” và ở một nơi khác, “Tôi bắt thân thể phải chịu cực và phục tùng, kéo sau khi rao giảng cho người khác, chính tôi lại bị loại” (1Cr 9:27) và trong Gl 5:24, “Những ai thuộc về Đức Kitô Giêsu thì đã đóng đinh tính xác thịt vào thập giá cùng với các dục vọng và đam mê”.



Tuy nhiên, khi thực hiện các việc làm ấy, chúng ta không nên nghĩ người ấy được công chính hóa trước mặt Thiên Chúa nhờ chúng, vì đức tin, một mình nó là sự chính trực trước mặt Thiên Chúa, không thể chịu đựng được một ý kiến sai lạc như thế. Tuy nhiên, chúng ta phải hiểu ra rằng những việc làm này bắt thân xác phải từng phục và thanh tẩy nó khỏi các thèm muốn xấu xa, và toàn bộ mục đích của chúng ta được điều hướng duy nhất vào việc xua trừ lòng thèm muốn. Vì nhờ đức tin, linh hồn được thanh tẩy và được tạo dựng để mến yêu Thiên Chúa, nên nó muốn rằng mọi sự, nhất là thân xác của chính nó, phải được thanh tẩy để mọi sự cùng tham gia với nó trong việc mến yêu và ca ngợi Thiên Chúa. Do đó, con người không thể ở không, vì nhu cầu thân xác họ thúc đẩy họ và họ buộc phải làm nhiều việc làm tốt để bắt nó phải từng phục. Tuy thế, chính các việc làm không công chính hóa họ trước mặt Thiên Chúa, nhưng họ thực hiện các việc làm vì tình yêu tự phát trong vâng phục Thiên Chúa và không xem xét điều gì ngoại trừ việc Thiên Chúa chấp thuận, Đáng mà họ vâng lời nhiệm nhứt trong mọi sự.

Nhờ cách trên, mọi người dễ dàng có khả năng học được cho mình cách giới hạn và thận trọng, như người ta thường nói, trong việc kiểm soát thân xác mình, vì họ sẽ ăn chay, canh chừng, và lao động bao lâu họ thấy đủ để cưỡng chế tính dâm dật và thèm muốn trong thân xác họ. Nhưng những người cho rằng mình được công chính hóa nhờ việc làm không xem xét việc kiểm soát lòng thèm muốn, nhưng chỉ nghĩ tới chính các việc làm và nghĩ rằng họ chỉ cần làm càng nhiều việc làm và những việc làm càng lớn càng tốt, là họ đã làm tốt và trở nên công chính. Đôi khi, thậm chí họ còn làm quẫn trí họ và phá hủy sức mạnh và việc làm của họ, hay ít nhất làm chúng trở nên vô dụng. Quả là đỉnh cao của rồ dại và hoàn toàn không biết gì tới sự sống và đức tin Kitô giáo khi một ai đó tìm cách được công chính hóa và cứu rỗi nhờ việc làm chứ không nhờ đức tin.

Muốn cho những điều chúng ta vừa nói dễ hiểu hơn, ta nên giải thích bằng các thí dụ sau đây. Chúng ta nên nghĩ tới các việc làm của một Kitô hữu được đức tin công chính hóa và cứu rỗi nhờ lòng thương xót nguyên tuyền và tự ý của Thiên Chúa, khi nghĩ tới các việc làm của Adam và Eva trong Địa Đàng, và mọi con cháu của họ nếu họ không phạm tội. Ta đọc trong St 2:15: “ĐỨC CHÚA là Thiên Chúa đem con người đặt vào vườn Êđen, để cày cấy và canh giữ đất đai”. Ta thấy Adam được Thiên Chúa dựng nên là người công chính, chính trực, không có tội để ông không cần được công chính hóa và trở thành chính trực qua việc cày cấy và canh giữ đất đai; nhưng để ông khỏi ở không, Chúa đã cho ông một nhiệm vụ phải làm, là cày cấy và canh giữ đất đai. Nhiệm vụ này có lẽ quả là một việc làm tự do nhất, thực hiện chỉ để làm vui lòng Thiên Chúa, chứ không để nhận được sự công chính hóa, một điều Adam đã có đầy đủ và đáng đã là sinh quyền của mọi người chúng ta.

Các việc làm của một tín hữu cũng giống như thế. Nhờ đức tin của họ, họ được phục hồi trong Địa Đàng và được tái tạo, không cần việc làm để trở nên hay được công chính hóa; nhưng để họ khỏi ở không và cung ứng cho và duy trì thân xác họ, họ phải làm những việc làm như thế một cách tự do để làm vui lòng Thiên Chúa. Tuy nhiên, vì chúng ta chưa hoàn toàn được tái tạo, và đức tin và đức mến của ta chưa hoàn hảo, những việc làm này cần được gia tăng, không phải bằng các việc làm bên ngoài, mà bằng chính chúng.

Thí dụ thứ hai: một Giám Mục, khi thánh hiến một nhà thờ, ban phép thêm sức cho các trẻ em hay thực thi một nhiệm vụ nào khác vốn thuộc chức vụ của ngài, không trở thành Giám Mục nhờ những việc làm ấy. Thực vậy, nếu ngài không được bổ nhiệm làm Giám Mục trước đó, thì không việc làm nào trong số này có giá trị cả. Chúng chỉ là trò ngớ ngẩn, trẻ con, và lố bịch. Do đó, một Kitô hữu từng được thánh hiến nhờ đức tin của mình, thực hiện nhiều việc làm tốt, nhưng các việc làm này không làm họ trở thành thánh thiện hơn hay Kitô hữu nhiều

hơn, vì đó là việc làm của một mình đức tin mà thôi. Và nếu một ai đó, trước nhất, không phải là một tín hữu và là một Kitô hữu, mọi việc làm của họ chẳng ăn nhằm chi và có thể chỉ là tội lỗi xấu xa và đáng kết án.

Các tuyên bố sau đây, vì thế, rất đúng: “Các việc làm tốt không làm nên một người tốt, nhưng một người tốt làm những việc làm tốt; các việc làm xấu không làm nên một người xấu, nhưng một người xấu làm những việc làm xấu”. Thành thử, điều luôn cần là bản chất hay chính con người phải tốt trước khi có bất cứ việc làm tốt nào, và các việc làm tốt theo sau và phát xuất từ một con người tốt, như chính Chúa Kitô cũng đã nói “Cây tốt không thể sinh quả xấu, cũng như cây xấu không thể sinh quả tốt” (Mt 7:18). Điều rõ ràng là hoa quả không mang cây cối và cây cối không mọc trên hoa quả, mà trái lại, cây cối mang hoa quả và hoa quả mọc trên cây cối. Do đó, điều cần thiết là cây cối có trước hoa quả của chúng và hoa quả không làm cây cối trở nên tốt hay xấu, nhưng cây cối ra sao, hoa quả chúng mang ra vậy; nên một người, trước nhất, phải tốt hoặc xấu trước khi họ thực hiện một việc tốt hoặc một việc xấu, và việc làm của họ không làm họ tốt hay xấu, nhưng chính họ làm cho việc làm của họ tốt hay xấu.

Các minh họa cho cùng sự thật trên có thể tìm thấy trong mọi ngành nghề. Một căn nhà tốt hay xấu không làm nên người thợ xây tốt hay xấu; nhưng người thợ xây tốt hay xấu xây nên một căn nhà tốt hay xấu. Và nói chung, việc làm không làm cho người làm giống như nó, nhưng người làm làm cho việc làm giống như họ. Với việc làm của người ta cũng thế. Vì người ta ra sao, bất luận là người tin hay không tin, thì việc làm của họ cũng thế, tốt nếu được làm trong đức tin, xấu nếu được làm trong bất tín. Nhưng câu ngược lại thì không đúng nghĩa là việc làm khiến người ta thành người tin hay người không tin. Vì việc làm không làm người ta thành người tin, thì nó cũng không làm họ thành người công chính. Nhưng vì đức tin làm một người thành người tin và công chính, nên đức tin thực hiện những việc làm tốt. Như thế, vì việc làm không công chính hóa bất cứ ai, và một người phải công chính trước khi thực hiện việc làm tốt, thì điều rất hiển nhiên là chỉ một mình đức tin, nhờ lòng thương xót nguyên tuyền của Thiên Chúa qua chúa Kitô và Lời của Người, xứng đáng và đủ để công chính hóa và cứu rỗi con người. Một Kitô hữu không cần bất cứ việc làm hay lề luật nào mới được cứu rỗi, vì nhờ đức tin, họ thoát khỏi mọi lề luật và làm mọi điều hoàn toàn tự do và phóng khoáng. Họ không tìm lợi lộc hay cứu vớt, vì họ đã dư đầy mọi sự và được cứu rỗi nhờ ơn thánh Thiên Chúa vì nay, trong đức tin của mình, họ chỉ lo tìm cách đẹp lòng Thiên Chúa.

Hơn nữa, không việc làm tốt nào giúp công chính hóa hay cứu rỗi một kẻ không tin. Đàng khác, không việc làm xấu nào biến họ thành người xấu hay kết án họ; nhưng chính việc không tin làm cho một người hay một cây làm điều xấu và đáng bị kết án. Do đó, khi một người tốt hay xấu, thì điều này không do các việc làm, mà do tin hay không tin, như một Hiên Nhân từng nói “Khởi đầu tội lỗi là con người xa lìa Thiên Chúa” (xem Hc 10:13), một việc diễn ra khi họ không tin. Và trong Dt 11:6, Thánh Phaolô viết rằng, “vì ai đến gần Thiên Chúa, thì phải tin là có Thiên Chúa...” Và Chúa Giêsu cũng nói như vậy, “Cây mà tốt thì quả cũng tốt; cây mà sâu thì quả cũng sâu” (Mt 12:33) như thể Người muốn nói, “ai muốn có quả tốt hãy bắt đầu trồng cây tốt”. Bởi thế, hãy để những người muốn thực hiện các việc làm tốt đừng bắt đầu làm các việc làm tốt, nhưng bằng cách tin, một điều mới làm người ta nên tốt, vì không có gì làm cho một người trở thành tốt ngoại trừ đức tin, hay xấu ngoại trừ việc không tin.

Trong quan điểm của con người, quả đúng là một người trở thành tốt hay xấu do các việc họ làm; nhưng việc tốt hay xấu này chỉ có nghĩa nói về người tốt hay người xấu và được biết như thế, như chính Chúa Kitô nói trong Mt 7:20, “vậy, cứ xem họ sinh hoa quả nào, thì biết họ là ai”. Tuy nhiên, tất cả chỉ là bề ngoài và rất nhiều người đã bị lừa vì vẻ bề ngoài này và

có cao ngạo viết và giảng dạy về các việc làm tốt nhờ đó, chúng ta có thể được công chính hóa mà không nhắc chi tới đức tin. Họ đi đường của họ, luôn bị đánh lừa và đi đánh lừa (2Tm 3:13), quả đang tiến tới nhưng là tiến vào tình trạng xấu hơn, họ là những kẻ mù hướng dẫn những kẻ mù khác, tự làm mình mệt mỏi với rất nhiều việc làm nhưng vẫn không bao giờ đạt được sự công chính đích thực (Mt 15:14). Về những người này, Thánh Phaolô viết trong 2Tm 3:5,7, “hình thức của đạo thánh thì họ còn giữ, nhưng cái chính yếu thì đã chối bỏ... Lắng nghe bất cứ ai mà chẳng bao giờ nhận biết được chân lý”.

Do đó, bất cứ ai không muốn đi lạc với những kẻ mù này phải nhìn qua bên kia các việc làm, và bên kia các lề luật và học lý về việc làm. Quay mắt khỏi các việc làm, họ phải nhìn vào con người và hỏi họ được công chính hóa cách nào. Vì người ta được nên công chính và cứu rỗi, không phải bằng việc làm hay lề luật, nhưng bằng Lời Thiên Chúa, nghĩa là, bằng lời hứa ơn thánh, và bằng đức tin, vinh danh Thiên Chúa mãi mãi, Đáng cứu rỗi chúng ta không bằng các việc làm công chính do chúng ta thực hiện (Tt 3:5) nhưng nhờ lòng thương xót của Người, nhờ lời ơn thánh của Người khi chúng ta tin (1Cr 1:21).

Nhờ thế, chúng ta dễ biết cần phải bác bỏ hay không bác bỏ đến mức nào các việc làm tốt, và do tiêu chuẩn nào, mọi giáo huấn của con người liên quan đến các việc làm phải được giải thích. Nếu các việc làm được tìm kiếm như một phương tiện đạt sự công chính, bị đè nặng bởi con quái vật xấu xa này, và được thực hiện với ẩn tượng sai lầm là nhờ chúng người ta được công chính hóa, thì chúng trở thành tất yếu và tự do cùng đức tin sẽ bị tiêu diệt; và việc thêm thắt này làm cho chúng không còn tốt nữa nhưng là các việc làm thực sự đáng bị lên án. Chúng không tự do, và chúng xúc phạm tới ơn thánh Thiên Chúa, vì công chính hóa và cứu rỗi nhờ đức tin vốn chỉ thuộc một mình ơn thánh của Thiên Chúa mà thôi. Điều các việc làm không có năng lực làm nhưng, do sự cao ngạo phạm thần điên rồ của chúng ta, vẫn cứ cao ngạo làm, thì chúng đã tự đẩy mình vào chức vụ và vinh dự của ơn thánh rồi. Do đó, chúng ta không bác bỏ các việc làm tốt; trái lại, chúng ta trân quý và giảng dạy về chúng bao nhiêu có thể. Chúng ta không kết án chúng vì chúng nhưng vì sự thêm thắt phạm thần này vào chúng và ý tưởng xấu xa cho rằng phải tìm sự công chính qua chúng; vì điều này làm chúng có vẻ tốt ở bề ngoài, trong khi đúng ra, chúng không tốt. Chúng lừa dối người ta và dẫn họ tới chỗ lừa dối nhau như những con sói ham mồi đội lốt chiên (Mt 7:15).

Con quái vật đó, hay ý tưởng xấu xa, về các việc làm không ai định nổi ở những nơi thiếu đức tin thành thực. Những nơi tạo ra các ông thánh này không thể tiêu trừ nó nếu đức tin, người tiêu diệt nó, không đến và thống trị trong lòng họ. Bản nhiên, tự mình, không thể tiêu trừ nó hay thậm chí nhìn nhận nó, nhưng đúng hơn coi nó như một dấu ấn của ý chí thánh thiện nhất. Nếu ảnh hưởng của phong tục được thêm vào và củng cố tính xấu xa này của bản nhiên, như các thầy dạy xấu xa đã khiến nó thực hiện, nó sẽ trở thành một điều xấu bất trị và dẫn người ta ra xa lạc và tiêu diệt vô số người không còn hy vọng cứu chữa. Do đó, dù rao giảng và viết về lòng thông hối, xưng tội và đền tội vẫn là điều tốt, giáo huấn của chúng ta chắc chắn có tính lừa đảo và ma quái nếu chúng ta dừng ở đó chứ không tiếp tục giảng dạy về đức tin.

Giống vị tiên hô của Người, Chúa Kitô không những nói “Hãy thông hối ăn năn” (Mt 3:2; 4:17), nhưng thêm lời đức tin khi nói rằng “Nước trời đã gần kề”. Chúng ta không chỉ rao giảng một trong các lời ấy mà phải cả hai; chúng ta phải đem ra từ kho lẫm của mình những điều mới và những điều cũ, tiếng nói của lề luật lẫn lời nói của ơn thánh (Mt 13:52). Chúng ta phải đem ra tiếng nói lề luật mà con người có lẽ được tạo ra để kính sợ và tiến tới chỗ nhận biết tội lỗi của mình và nhờ thế hoán cải ăn năn, có một cuộc sống tốt hơn. Nhưng chúng ta không nên dừng ở đó vì đó mới chỉ là đá thương chứ chưa băng bó, đánh đập chứ chưa chữa

lành, sát hại chứ chưa làm cho sống động, dẫn xuống cõi chết chứ chưa sống lại, hạ nhục chứ chưa tôn vinh. Cho nên, chúng ta cũng phải rao giảng lời ban ơn thánh và lời hứa tha thứ nhờ thể đức tin được giảng dạy và khởi động. Không có lời ơn thánh này, các việc làm theo lề luật, việc ăn năn tội, việc thống hối, và mọi việc khác được thực hiện và giảng dạy một cách vô ích.

Các vị giảng thuyết về thống hối và ơn thánh, đến ngày nay, vẫn còn đó, nhưng họ không giải thích lề luật và lời hứa của Thiên Chúa để người ta có thể nhờ họ mà học được nguồn gốc của thống hối và ơn thánh. Thống hối phát xuất từ lề luật của Thiên Chúa, nhưng đức tin và ơn thánh phát xuất từ lời hứa của Thiên Chúa, như Rm 10:17 nói “có đức tin là nhờ nghe giảng, mà nghe giảng là nghe công bố lời Chúa Kitô”. Thành thử, con người được an ủi và đề cao nhờ đức tin vào lời Thiên Chúa hứa sau khi chịu nhục và bị dẫn tới chỗ biết mình nhờ các đe dọa và nỗi kính sợ lề luật của Thiên Chúa. Do đó, ta đọc trong Tv 30:6, “Lệ có rơi khi màn đêm buông xuống, hừng đông về đã vọng tiếng hò reo”.

Ta hãy coi điều ấy đã đủ để nói về các việc làm nói chung và đồng thời cả về các việc làm mà các Kitô hữu tự làm cho mình nữa. Sau cùng, ta cũng nên nói tới những điều họ làm cho những người lân cận của họ. Người ta không sống cho riêng mình trong thân xác tử sinh này, chỉ làm việc cho một mình nó, mà còn sống cho mọi người trên mặt đất; đúng hơn, họ chỉ sống cho những người khác, không cho riêng một mình họ. Để đạt mục đích này, họ bắt thân xác họ phải phục tùng để họ có thể phục vụ người khác cách thành thực và tự do hơn, như thánh Phaolô viết trong Rm 14:7-8: “Thật vậy, không ai trong chúng ta sống cho chính mình, cũng như không ai chết cho chính mình. Chúng ta có sống là sống cho Chúa, mà có chết cũng là chết cho Chúa. Vậy, dù sống, dù chết, chúng ta vẫn thuộc về Chúa”. Ở đời này, họ thậm chí không được ở nhưng không mà không làm việc vì những người lân cận, vì nhất thiết họ sẽ phải nói năng, xử sự với, và trao đổi quan điểm với người khác, như Chúa Kitô, khi đã nên giống người ta (Pl 2:7), vốn hiện hữu dưới hình thức một con người và chuyện vãn với những con người, như Barúc 3:38 quả quyết.

Tuy nhiên, con người không cần bất cứ thứ nào trong số ấy để được công chính hóa và cứu rỗi. Do đó, họ nên được hướng dẫn trong mọi việc họ làm bằng ý tưởng này và chiêm niệm một mình điều duy nhất này mà thôi, để họ có thể phục vụ và sinh ích cho những người khác trong mọi việc họ làm, không quan tâm đến điều gì ngoài nhu cầu và lợi điểm của người lân cận mà thôi. Thành thử, Thánh Tông Đồ truyền cho ta phải dùng đôi tay mà làm việc để có thể giúp đỡ người túng thiếu, mặc dù, ngài có lẽ đã nói rằng chúng ta nên làm việc để hỗ trợ chính mình. Tuy nhiên, ngài nói: “để có gì chia sẻ với người túng thiếu” (Eph 4:28). Đó là điều biến việc chăm sóc thân xác thành một việc làm của Kitô hữu, nghĩa là nhờ có sức khỏe và tiện nghi, chúng ta có thể làm việc, mua sắm, và để dành quỹ để giúp đỡ người túng thiếu, nhờ cách này, chi thể mạnh có thể phục vụ chi thể yếu hơn, và chúng ta có thể trở nên con cái Thiên Chúa, mỗi người biết chăm sóc và làm việc cho người khác, mang gánh nặng của nhau và nhờ thế chu toàn lề luật của Chúa Kitô (Gl 6:2). Đó mới là cuộc sống Kitô hữu đích thực. Ở đây, đức tin thực sự tích cực nhờ tình yêu (Gl 5:6), nghĩa là, nó tìm được biểu thức trong các việc làm trong việc phục vụ tự do nhất, thực hiện một cách vui vẻ và đầy yêu thương, với tình yêu này, người ta sẵn lòng phục vụ người khác không hy vọng được ban thưởng; và cho riêng họ, họ hoàn toàn hài lòng với sự viên mãn và phong phú của đức tin.

Thành thử, Thánh Phaolô, sau khi giảng dạy để tín hữu Philipê biết họ trở nên giàu có xiết bao nhờ đức tin vào Chúa Kitô, trong đó, họ nhận được mọi sự, đã nhấn nhủ họ rằng “Nếu quả thật sự liên kết với Chúa Kitô đem lại cho chúng ta một niềm an ủi, nếu tình bác ái khích lệ chúng ta, nếu chúng ta được hiệp thông trong Thân Khí, nếu chúng ta sống thân tình và

biết cảm thương nhau, thì xin anh em hãy làm cho niềm vui của tôi được trọn vẹn, là hãy có cùng một cảm nghĩ, cùng một lòng mến, cùng một tâm hồn, cùng một ý hướng như nhau. Đừng làm chi vì ganh tị hay vì hư danh, nhưng hãy lấy lòng khiêm nhường mà coi người khác hơn mình. Mỗi người đừng tìm lợi ích cho riêng mình, nhưng hãy tìm lợi ích cho người khác” (Pl 2:1-4). Ở đây, chúng ta thấy rõ ràng rằng Thánh Tông đồ đã truyền áp dụng qui luật này vào đời sống Kitô hữu, nghĩa là, chúng ta nên dành mọi việc làm của chúng ta để tạo phúc lợi cho người khác, vì mỗi người đều có nhiều châu báu dư thừa trong đức tin của mình đến độ mọi việc làm khác và trọn cuộc sống họ giống như một thứ thặng dư; với sự thặng dư này, họ có thể phục vụ và tạo thiện ích cho người lân cận của họ, vì lòng nhân từ đầy thiện chí.

Như một điển hình cho cuộc sống ấy, Thánh Tông đồ trung dẫn Chúa Kitô, ngài viết rằng “Giữa anh em với nhau, anh em hãy có những tâm tình như chính Đức Kitô Giêsu. Đức Giêsu Kitô vốn hiện hữu trong hình dạng (form) Thiên Chúa nhưng không nghĩ phải nhất quyết duy trì địa vị ngang hàng với Thiên Chúa, nhưng đã hoàn toàn trút bỏ vinh quang, mặc lấy hình dạng nô lệ, trở nên giống phàm nhân, sống như người trần thế. Và trong hình dạng con người, Người còn hạ mình, vâng lời cho đến nỗi bằng lòng chịu chết” (Pl 2:5-8). Lời có tính cứu rỗi của Thánh Tông Đồ này đã bị làm lu mờ đối với chúng ta bởi những kẻ không hiểu chút gì về các lời lẽ của ngài, “hình dạng Thiên Chúa”, “hình dạng nô lệ”, “hình dạng con người”, “giống phàm nhân”, và áp dụng chúng vào bản tính Thiên Chúa và bản tính nhân loại. Thánh Phaolô có ý nói: mặc dù Chúa Kitô tràn đầy trong hình dạng Thiên Chúa và giàu có trong mọi sự, đến nỗi, Người không cần việc làm cũng như đau khổ để biến Người thành công chính và được cứu rỗi (vì Người vốn có những điều ấy thừa thãi đời đời), thế nhưng Người không vênh váo vì chúng và không đề cao Người hơn chúng ta và tỏ ra uy quyền hơn chúng ta, dù Người có quyền làm thế; nhưng, trái lại, Người đã sống, đã lao công, đã làm việc, đã chịu đau khổ, và đã chết giống như mọi con người khác và trong phong cách và trong hành động Người không có gì khác một con người, chỉ như thể Người cân tất cả những điều này, và không có gì từ hình dạng Thiên Chúa. Nhưng Người làm tất cả các điều này vì chúng ta, để Người có thể phục vụ chúng ta và mọi điều Người hoàn thành trong hình dạng nô lệ này có thể trở thành của chúng ta.

Do đó, giống như Chúa Kitô là đầu của mình, người Kitô hữu được đầy tràn và trở nên phong phú nhờ đức tin và nên hài lòng với hình dạng Thiên Chúa mà nhờ đức tin họ có được; chỉ có điều, như tôi đã nói, họ nên gia tăng đức tin này cho đến khi nó hoàn hảo. Vì đức tin này chính là cuộc sống của họ, sự công chính của họ, và là sự cứu rỗi của họ: nó cứu họ và làm họ trở nên đáng được chấp nhận, và ban cho họ mọi điều vốn là của Chúa Kitô, như đã nói ở trên và như Thánh Phaolô quả quyết ở Gl 2:20 khi ngài viết “Hiện nay tôi sống kiếp phàm nhân trong niềm tin vào Con Thiên Chúa”. Mặc dù, Kitô hữu được tự do đối với mọi việc làm, họ vẫn phải tự trút bỏ chính mình, mang lấy hình dạng nô lệ, nên giống con người, sống trong hình dạng con người, và phục vụ, giúp đỡ, và bằng mọi cách, cư xử với người lân cận của họ như họ thấy Thiên Chúa, qua Chúa Kitô, đã cư xử và còn tiếp tục cư xử với người lân cận này. Họ phải làm điều này cách tự do, không quan tâm đến điều gì ngoài việc được Thiên Chúa chấp thuận.

Họ nên nghĩ rằng; ‘mặc dầu tôi là một con người bất xứng và đang bị kết án, Thiên Chúa, trong Chúa Kitô, đã ban cho tôi mọi châu báu công chính và cứu rỗi mà không cần tới tôi, chỉ do lòng thương xót tình tuyền, tự do, để từ nay trở đi, tôi không cần điều gì ngoài đức tin, một đức tin tin rằng điều này đúng sự thật. Do đó, tại sao tôi lại không nên, một cách tự do, hân hoan và hết lòng, hết ý chí, làm những điều tôi biết là đẹp lòng và được người Cha, Đáng ban phát cho tôi những kho tàng vô giá như thế, chấp nhận? Bởi thế, tôi sẽ hiển mình tôi như

một Chúa Kitô cho người lân cận của tôi, hết như Chúa Kitô đã hiến mình cho tôi; tôi sẽ không làm bất cứ điều gì ở đời này ngoại trừ những điều tôi thấy là cần thiết, sinh ích và có tính cứu rỗi cho người lân cận của tôi, vì qua đức tin, tôi đã có dư đầy mọi điều thiện hảo nơi Chúa Kitô”.

Như thế, từ đức tin tuôn trào tình yêu và niềm vui nơi Chúa Kitô, và từ tình yêu, phát sinh một tâm trí hân hoan, sẵn lòng, và tự do phục vụ người lân cận hết lòng mà không quan tâm gì tới biết ơn hay không biết ơn, ca ngợi hay trách mắng, được hay mất. Vì người ta không phục vụ để đặt người khác dưới nghĩa vụ. Họ không phân biệt giữa bạn bè và địch thủ hay dự úng lòng biết ơn hay vô ơn của họ, nhưng một cách tự do và sẵn lòng nhất, họ dành chính họ và tất cả những gì họ sở hữu bất kể họ phạm đối với những người vô ơn hay họ nhận được phần thưởng biết ơn. Như Cha của họ làm thế nào trong việc phân phối mọi sự cho mọi người cách hào phóng và tự do, làm cho “mặt trời mọc cho cả kẻ dữ lẫn người lành” (Mt 5:45), người con cũng phải làm mọi sự và chịu đựng mọi sự như thế với một niềm vui trao ban tự do, cũng là niềm vui mà, qua Chúa Kitô, họ thấy nơi Thiên Chúa, Đấng ban phát các thiện ích lớn lao ấy.

Do đó, nếu chúng ta nhận ra các điều lớn lao và quý giá đã ban cho ta, như lời Thánh Phaolô nói ở Rm 5:5, lòng chúng ta sẽ được Chúa Thánh Thần đổ tràn tình yêu khiến chúng ta trở thành những công nhân tự do, hân hoan và quyền năng, thành những người chiến thắng mọi khổ đau, thành những người phục vụ người lân cận, nhưng đồng thời là chúa mọi sự.

Tuy nhiên, đối với những ai không nhận ra các ơn phúc ban cho họ qua Chúa Kitô, Chúa Kitô quả đã sinh ra vô ích; họ đi đường của họ với các việc làm của họ và sẽ không bao giờ tiến tới chỗ ném được hay cảm nhận được những điều này. Như người lân cận của chúng ta cần và thiếu điều chúng ta có dư thế nào, trước mặt Thiên Chúa, chúng ta cũng cần và thiếu lòng thương xót của Người như vậy. Do đó, như Cha trên trời của chúng ta đã tự do đến, trong Chúa Kitô, để giúp chúng ta thế nào, chúng ta cũng phải tự do giúp đỡ người lân cận chúng ta như thế bằng thân xác chúng ta và các việc làm của nó, và mỗi người hãy trở thành như thế một Đấng Kitô đối với người khác để chúng ta là Đấng Kitô đối với nhau và Chúa Kitô là như nhau trong mọi người, nghĩa là, chúng ta trở thành các Kitô hữu thực sự.

Như thế ai có thể thấu hiểu hết các kho tàng và vinh quang của đời sống Kitô hữu? nó có thể làm mọi sự và có mọi sự, không hề thiếu thứ gì. Nó làm chủ trên tội lỗi, sự chết, và hoả ngục, ấy thế nhưng đồng thời nó lại hậu hạ, phục vụ và gây ích cho mọi người. Nhưng tiếc thay, thời ta, đời sống này không ai trên thế giới biết tới; nó không được rao giảng cũng không được tìm kiếm; chúng ta hoàn toàn không biết đến danh tánh mình và không biết tại sao mình là các Kitô hữu hay mang tên Kitô hữu. Chắc chắn chúng ta được đặt tên theo Chúa Kitô, không phải vì Người xa vắng chúng ta, nhưng vì Người cư ngụ trong ta, nghĩa là, vì chúng ta tin Người và là các Đấng Kitô đối với nhau và làm cho các người lân cận của chúng ta như Chúa Kitô làm cho chúng ta. Nhưng thời ta, chúng ta được lý thuyết của con người giảng dạy không đi tìm điều gì ngoại trừ công phúc, phần thưởng, và những điều vốn là của chính chúng ta; về Chúa Kitô, chúng ta chỉ làm cho Người trở thành một ông đốc công nghiêm khắc hơn Môsê gấp bội.

Chúng ta có một điển hình trở vượt về một đức tin như thế nơi Trinh Nữ Diễm Phúc. Như đã được viết trong Luca 2:22, ngài được thanh luyện theo luật Môsê, theo tục lệ của mọi phụ nữ, mặc dù, ngài không buộc phải giữ luật đó và không cần được thanh luyện. Tuy nhiên, vì tình yêu tự do và tự ý, ngài tình nguyện từng phục lễ luật giống mọi phụ nữ khác để ngài không làm phật lòng hay khinh bỉ họ. Ngài không được công chính hóa bởi việc làm này, nhưng vì

đã công chính nên ngài làm việc ấy một cách tự do và tự ý. Việc làm của chúng ta cũng phải như thế, chứ không phải để chúng ta được công chính hóa bởi chúng, vì chúng ta vốn đã được công chính hóa trước đó bằng đức tin, nên chúng ta làm tất cả những điều ấy một cách tự do và hân hoan vì ích lợi cho người khác.

Thánh Phaolô cũng đã cắt da qui đầu cho môn đệ Timôtê của ngài, không phải vì việc cắt da qui đầu này cần thiết để ông được công chính hóa, nhưng để ông không làm mất lòng hay khinh bỉ những người Do Thái yếu đức tin và chưa nắm vững tính tự do của đức tin. Nhưng mặt khác, khi họ coi thường tính tự do của đức tin và nhấn mạnh rằng việc cắt da quy đầu cần thiết cho việc công chính hóa, ngài đã phản kháng họ và không cho phép Titô được cắt da quy đầu (Gl 2:3). Ngài không sẵn lòng làm phật lòng hay coi thường bất cứ đức tin yếu ớt của ai và đã chiều theo ý muốn của họ trong nhất thời thế nào, ngài cũng không sẵn lòng để tính tự do của đức tin bị xâm phạm và coi thường bởi những người cứng đầu, coi mình được công chính hóa nhờ việc làm như thế. Ngài chọn con đường trung dung, nể nang người yếu đuối trong một thời gian, nhưng luôn cứng rắn với những kẻ cứng cổ, để ngài có thể hoán cải mọi người tiếp nhận tính tự do của đức tin. Điều chúng ta làm nên được làm bằng cùng một lòng nhiệt thành như thế để nâng đỡ kẻ yếu đuối trong đức tin, như nói ở Rm 14:1; nhưng chúng ta nên cương quyết chống lại những ông thầy ương ngạnh dạy về việc làm. Về điều này, chúng ta sẽ nói thêm sau này.

Trong Mt 17:22-27, khi các môn đệ của Người bị đòi tiền thuế, Chúa Kitô đã thảo luận với Thánh Phêrô có phải con các vua không được miễn trả thuế hay không, và Thánh Phêrô trả lời rằng họ được miễn. Dù thế, Chúa Kitô cũng ra lệnh cho Thánh Phêrô ra biển và nói “Nhưng để khỏi làm gai mắt họ, anh ra biển thả câu; con cá nào câu được trước hết, thì bắt lấy, mở miệng nó ra : anh sẽ thấy một đồng tiền bốn quan; anh lấy đồng tiền ấy, nộp thuế cho họ, phần của Thầy và phần của anh”. Biện cố này rất thích hợp với đề tài này vì Chúa Kitô, ở đây, tự gọi Người và những kẻ là con cái của Người là con vua, những người không cần điều gì; ấy thế nhưng Người vẫn tự do tòng phục và nộp thuế. Hệt như việc làm này cần thiết và hữu ích cho việc công chính hóa và cứu rỗi của Chúa Kitô thế nào, thì các việc làm khác của Người và của các môn đệ của Người cũng thế đối với việc công chính hóa, vì chúng đều đến sau việc công chính hóa và có tính tự do, được thực hiện chỉ để phục vụ người khác và cung cấp cho họ một gương sáng về việc làm tốt.

Thuộc cùng bản chất là các quy tắc được Thánh Phaolô đưa ra ở Rm 13:1-7, tức là, các Kitô hữu nên tòng phục các nhà cầm quyền và sẵn sàng thực hiện mọi việc làm tốt, không phải nhờ thế họ sẽ được công chính hóa, vì họ đã được công chính hóa rồi bởi đức tin, nhưng để, trong tính tự do của Thân Khí, khi làm thế, họ sẽ phục vụ người khác và các nhà cầm quyền và vâng theo ý muốn của họ một cách tự do và vì tình yêu. Việc làm của các học viện, đan viện, và của các linh mục phải có bản chất này. Mỗi người hãy làm các việc thuộc nghề nghiệp hay chức vị của mình, không phải vì qua đó, họ cố gắng để được công chính hóa, nhưng qua đó, họ có thể kiểm soát được thân xác họ, nêu gương cho những người khác, những người cũng cần phải kiểm soát thân xác họ, và cuối cùng, qua các việc làm đó, họ có thể bắt ý chí họ lệ thuộc ý chí của những người khác trong tự do của yêu thương. Nhưng luôn phải thật cẩn trọng để không một ai tin tưởng làm lẫn rằng nhờ những việc làm như thế, họ sẽ được công chính hóa hay được công phúc và được cứu rỗi; vì điều này là công việc của một mình đức tin mà thôi, như tôi đã nói đi nói lại nhiều lần.

Bất cứ ai biết điều đó cũng dễ dàng và an toàn có thể tìm được đường đi của mình qua muôn vàn những mệnh lệnh và giới truyền của các Giáo Hoàng, Giám Mục, đan viện, Giáo Hội, ông hoàng, và thẩm phán mà một số mục tử dốt nát nhấn mạnh như thế là cần thiết để được

công chính hóa và cứu rỗi, gọi chúng là “các giới răn hội thánh”, dù chúng không hề là như thế. Vì, là một người tự do, người Kitô hữu sẽ nói “tôi sẽ ăn chay, cầu nguyện, làm việc này việc nọ như con người ra lệnh, không phải vì nó cần thiết cho việc công chính hóa hay cứu rỗi của tôi; nhưng để tôi có thể chứng tỏ lòng kính trọng phải lễ đối với Đức Giáo Hoàng, Đức Giám Mục, công đồng, chánh án, hay người lân cận của tôi, và nêu gương cho họ. Tôi sẽ làm và chịu đựng mọi sự, như Chúa Kitô đã làm và đã chịu còn nhiều hơn nữa cho tôi, mặc dù Người không cần điều gì cho chính Người, và đã chịu tuân phục lề luật vì tôi, mặc dù Người không lệ thuộc lề luật”. Mặc dù các bạo chúa thực hiện bạo lực và bất công khi ban hành các đòi hỏi của chúng, nhưng điều này không gây thiệt hại chi miễn là chúng không đòi hỏi điều gì trái ý Thiên Chúa.

Từ những điều vừa nói, ai cũng có thể an tâm phán kết về mọi việc làm và lề luật và phân biệt một cách đáng tin cậy các điều này để biết ai là các mục tử đui mù và đốt nát và ai là các mục tử tốt lành và chân thật. Bất cứ việc làm nào nếu không được làm duy nhất với mục đích kiểm soát thân xác và phục vụ người lân cận của mình, miễn là không đòi điều gì ngược với Thiên Chúa, thì đều không tốt hay không có tính Kitô giáo. Vì lý do này, ngày nay, tôi rất sợ rằng ít có hay không có học viện, đan viện, bàn thờ, hay văn phòng nào trong Giáo Hội thực sự có tính Kitô giáo cả - cả các việc ăn chay và cầu nguyện đặc biệt trong một số ngày lễ các thánh. Tôi nói, tôi sợ rằng trong tất cả những việc này, chúng ta chỉ đi tìm lợi ích của chúng ta, nghĩ rằng nhờ chúng, tội lỗi ta sẽ được thanh tẩy và chúng ta sẽ tìm được ơn cứu rỗi trong chúng. Hiểu như thế là tiêu diệt tự do Kitô giáo. Đó là hậu quả của việc ta không biết gì về đức tin và tự do của Kitô giáo.

Việc đốt và dẹp bỏ tự do này được rất nhiều mục tử khổ công khuyến khích. Họ khuấy động và thúc giục giáo dân của họ trong các thực hành này bằng cách ca ngợi các việc làm như thế, quảng cáo khuếch trương chúng bằng các ân xá của họ, và không bao giờ giảng giải về đức tin. Tuy nhiên, nếu bạn muốn cầu nguyện, ăn chay, hay thiết lập một quỹ nào đó trong Giáo Hội, tôi khuyên bạn cẩn thận, đừng làm như thế để được một ơn ích nào đó, bất luận là mau qua hay vĩnh viễn, vì bạn sẽ gây thương tích cho đức tin của bạn, vốn là điều duy nhất đem lại cho bạn mọi sự. Bạn chỉ nên quan tâm duy nhất làm sao cho đức tin lớn mạnh, xem nó được rèn luyện bởi việc làm hay đau khổ. Hãy tặng các tặng phẩm một cách tự do và không có tính toán chi, để người khác nhờ chúng mà được ơn ích và hành xử tốt đẹp vì bạn và lòng tốt của bạn. Nhờ cách này, bạn sẽ thực sự là người tốt và là Kitô hữu. Có ích chi cho bạn các việc làm tốt mà bạn không cần để kiểm soát thân xác bạn? Đức tin của bạn đã đủ đối với bạn, nhờ thế, Thiên Chúa ban cho bạn mọi sự.

Bạn thấy đó, theo qui luật này, những điều tốt đẹp chúng ta có được từ Thiên Chúa nên tuân từ người này sang người khác và thành của chung mọi người, để mọi người nên “mặc lấy” người lân cận của mình và nhờ thế hành xử với họ như thể mình ở chỗ người khác vậy. Từ Chúa Kitô, những điều tốt đẹp đã tuân tràn và còn đang tuân tràn sang chúng ta. Như thế, Người đã “mặc lấy” chúng ta và hành động cho chúng ta như thể Người vốn là điều chúng ta là. Từ chúng ta, chúng tuân sang những người cần đến chúng để tôi đặt đức tin và sự công chính của tôi trước mặt Thiên Chúa ngõ hầu chúng che chở và cầu bầu cho tội lỗi của người lân cận của tôi, những tội lỗi mà tôi mang lấy và do đó, làm việc và phục vụ trong chúng như thể chúng là của chính tôi. Đó chính là điều Chúa Kitô đã làm cho chúng ta. Đó là tình yêu đích thực và là qui luật chân chính cho đời sống Kitô hữu. Tình yêu là đích thực và chân chính khi có đức tin đích thực và chân chính. Bởi thế, Thánh Tông đồ nói về tình yêu trong 1Cr 13:5 rằng “Nó không tìm tư lợi”.

Bởi thế, chúng ta kết luận rằng Kitô hữu sống không phải trong họ mà trong Chúa Kitô và



trong người lân cận của họ. Nếu không, họ không phải là Kitô hữu. Họ sống trong Chúa Kitô bằng đức tin, trong người lân cận của họ bằng tình yêu. Nhờ đức tin, họ được nâng lên chính họ để nhập vào Thiên Chúa. Nhờ tình yêu, họ hạ thấp chính họ để nhập vào người lân cận. Tuy nhiên, họ luôn ở trong Thiên Chúa và ở trong tình yêu của Người, như Chúa Kitô nói trong Ga 1:51, “Thật, tôi bảo thật các anh, các anh sẽ thấy trời rộng mở, và các thiên thần của Thiên Chúa lên lên xuống xuống trên Con Người”.

Nay nói như thế về tự do đã đủ. Như bạn thấy, nó là thứ tự do thiêng liêng và đích thực và làm tâm hồn chúng ta thoát mọi tội lỗi, lề luật và lệnh truyền, như Thánh Phaolô nói trong 1Tm 1:9, “Lề Luật có đó, không phải cho người công chính”. Nó trôi vượt hơn mọi thứ tự do khác vốn chỉ ở bên ngoài, y như thiên đàng trôi vượt hơn mặt đất. Xin Chúa Kitô ban cho chúng ta thứ tự do này cả để hiểu biết lẫn để duy trì. Amen.

Cuối cùng, phải nói thêm một điều giúp những người mà đối với họ không điều gì có thể được nói hay đến nỗi họ không làm hư nó bằng cách hiểu lầm nó. Quả đáng hoài nghi liệu họ có hiểu ngay cả những gì được nói ra ở đây. Có rất nhiều người, khi nghe nói đến thứ tự do của đức tin này, lập tức biến nó thành một dịp cho xác thịt và nghĩ rằng nay họ được phép làm mọi sự. Họ muốn chứng tỏ rằng họ chỉ là những người tự do và là Kitô hữu bằng cách khinh miệt và bắt lỗi các nghi lễ, truyền thống, và lề luật con người, như thể họ là Kitô hữu vì vào những ngày nhất định, họ không ăn chay hay ăn thịt khi những người khác ăn chay, hay vì họ không dùng các bản kinh quen thuộc, và hì mũi nhọn báng các giới luật của con người, mặc dù họ hoàn toàn coi thường mọi điều khác vốn thuộc Kitô giáo. Hoàn toàn ngược lại với những người này là những người dựa sự cứu rỗi của họ duy nhất vào việc cung kính tuân giữ các nghi lễ, như thể họ sẽ được cứu rỗi vì vào những ngày nhất định nào đó, họ ăn chay hay kiêng thịt, hoặc đọc một số kinh nào đó; những người này huênh hoang về các giới răn của Giáo Hội và của các giáo phụ, chứ không quan tâm chi tới những điều vốn là yếu tính trong đức tin của chúng ta. Rõ ràng, cả hai đều sai lầm vì họ làm ngơ những điều nặng ký hơn vốn cần thiết cho ơn cứu rỗi, và cãi nhau inh ỏi về những vấn đề tầm phào và không cần thiết.

Tốt hơn xiết bao là giáo huấn của Thánh Tông đồ Phaolô khi ngài khuyên chúng ta theo lẽ trung dung và lên án cả hai phía khi ngài viết “Người ăn đừng có khinh kẻ không ăn, còn kẻ không ăn cũng đừng xét đoán người ăn, vì Thiên Chúa đã đón nhận người ấy” (Rm 14:3). Ở đây, bạn thấy những ai làm ngơ và hạ giá các nghi lễ, không vì lòng đạo đức, mà chỉ vì khinh miệt mà thôi, bị khiển trách, vì Thánh Tông đồ dạy ta đừng khinh thường chúng. Những người như thế bị kiến thức làm cho vênh vao. Đàng khác, ngài dạy những người hay nhân mạnh tới nghi lễ đừng có xét đoán người khác, vì không bên nào hành động hướng về người khác theo luật yêu thương vốn có tính xây dựng. Do đó, chúng ta phải lắng nghe Sách Thánh là sách dạy chúng ta rằng chúng ta không nên đi trịch bên phải hay bên trái (Đnl 28:14) nhưng tuân theo các sắc lệnh của Chúa vốn chân chính, “làm tâm hồn hân hoan” (Tv 19:8). Vì con người không nên công chính vì tuân giữ và bám lấy việc làm và các hình thức nghi lễ thế nào, họ cũng sẽ không được kể là công chính chỉ vì làm ngơ và khinh thường chúng. Đức tin của chúng ta vào Chúa Kitô không giải phóng chúng ta khỏi việc làm nhưng khỏi các ý kiến làm lạc liên quan tới việc làm, nghĩa là, khỏi giả định ngớ ngẩn cho rằng công chính hóa có được nhờ việc làm. Đức tin cứu chuộc, sửa dạy và duy trì lương tâm ta để ta biết rằng sự công chính không hệ ở việc làm, mặc dù việc làm không thể và không nên thiếu; chúng ta không thể không ăn không uống và mọi việc làm của thân xác này, thế nhưng sự công chính của ta không hệ ở chúng, nhưng hệ ở đức tin; nhưng cũng không vì vậy mà được coi thường hoặc lơ là đối những việc làm này. Ở đời này, chúng ta bị trói buộc bởi các nhu cầu của sự sống thân xác của chúng ta, nhưng chúng ta không công chính nhờ chúng. Chúa Kitô vốn nói: “Nước Tôi không thuộc thế gian này” (Ga 18:36). Còn Thánh Phaolô thì nói: “Quả thế,

chúng tôi đang sống trong xác phàm, nhưng không chiến đấu theo tính xác thịt” (2Cr 10:3) và trong Gl 2:20: “Hiện nay tôi sống kiếp phàm nhân trong niềm tin vào Con Thiên Chúa”. Như thế, điều chúng ta làm, chúng ta sống, làm việc và thực hiện các nghi lễ, chúng ta làm vì các cần thiết của đời này và do cố gắng muốn kiểm soát thân xác ta. Tuy nhiên, chúng ta công chính, không hệ ở chúng, mà hệ ở đức tin vào Con Thiên Chúa.

Bởi thế, Kitô hữu phải chọn con đường ở giữa và đối diện với hai loại người. Họ sẽ gặp trước hết những người duy nghi thức bất khoan nhượng, ngoan cố, giống những con rắn lục điếc tai không muốn nghe sự thật của tự do (Tv 58:4) nhưng, vì không có đức tin, nên đã khoác lác, truyền dạy, và nhân mạnh tới các nghi lễ của họ như một phương thế công chính hóa. Họ là những người Do Thái thuở xưa, không sẵn lòng học cách làm điều tốt. Kitô hữu phải đề kháng những người này, làm chính điều ngược lại, và mạnh dạn xúc phạm họ kéo nhờ quan điểm vô đạo của họ, họ kéo theo nhiều khác vào cùng sai lạc như thế. Trước mặt những người như thế, tốt nhất nên ăn thịt, phá chay, và vì sự tự do của đức tin hãy làm những việc khác bị họ coi là những tội lỗi nặng nề nhất. Về họ, chúng ta phải nói rằng “Hãy để mặc họ; họ là các hướng dẫn viên mù”. Theo nguyên tắc này, Thánh Phaolô có lẽ đã không cắt bì cho Titô khi người Do Thái nhân mạnh ngài nên làm (Gl 2:3), còn Chúa Kitô thì cáo lỗi cho các môn đệ khi họ ngắt các bông lúa trong ngày Sabát (Mt 12:1-8). Còn nhiều thí dụ tương tự như thế nữa. Loại người khác mà Kitô hữu sẽ gặp là những người đơn sơ, ngu dốt, yếu đức tin, như Thánh Tông Đồ gọi họ, chưa có khả năng nắm vững tự do đức tin, ngay cả khi họ sẵn lòng làm thế (Rm 14:1). Những người này, Kitô hữu nên thận trọng đừng xúc phạm họ. Kitô hữu phải chiều theo sự yếu đuối của họ cho tới khi họ được giáo huấn trọn vẹn hơn. Vì họ có thể nào họ làm và nghĩ như vậy, không phải vì ác ý một cách ương ngạnh nhưng chỉ vì đức tin của họ yếu ớt, nên các việc ăn chay và các việc khác được họ coi là cần thiết phải được tuân giữ để tránh làm phật lòng họ. Đây là giới răn yêu thương, không được làm hại ai nhưng phải phục vụ mọi người. Họ yếu ớt không phải lỗi của họ, mà là do lỗi của các mục tử của họ đã giam giữ họ bằng những cạm bẫy truyền thống và đã gian ác sử dụng các truyền thống này như những chiếc roi để đánh đập họ. Đáng lẽ họ nên được giải thoát khỏi các mục tử này bằng các giáo huấn đức tin và tự do. Bởi thế, Thánh Tông Đồ dạy chúng ta trong chương 14 thư Rôma rằng “Nếu thực phẩm là nguyên nhân cho người anh em tôi sai phạm, tôi sẽ không bao giờ ăn thịt” (xem Rm 14:21 và 1Cr 8:13); và một lần nữa “Trong Chúa Giê-su, tôi biết và xác tín rằng không có gì tự nó là ô uế; có ô uế là chỉ đối với người cho nó là ô uế” (Rm 14:14).

Vì lý do đó, dù chúng ta mạnh bạo chống lại các thầy dạy truyền thống và cực lực khiển trách các luật lệ của các giáo hoàng, các luật lệ họ dùng cưỡng đoạt dân Chúa, thế nhưng chúng ta phải dung thứ quần chúng nhút nhát những người vốn bị các bạo chúa vô đạo giam cầm bằng các luật lệ này cho tới khi họ được tự do. Do đó, hãy hăng hái đấu tranh chống các sói lang, nhưng hãy chiến đấu cho các con chiên và không nên chống các con chiên. Bạn sẽ làm điều này nếu bạn đã kích chống lại lề luật và các nhà làm luật, nhưng đồng thời giữ luật với người yếu đuối để họ không bị xúc phạm, cho tới khi họ cũng nhận ra tính bạo chúa và hiểu được sự tự do của họ. Nếu bạn muốn sử dụng tự do của bạn, bạn nên sử dụng nó cách kính đáo, như Thánh Phaolô từng viết trong Rm 14:22, “Bạn xác tín điều gì, thì cứ giữ lấy cho mình trước mặt Thiên Chúa”; nhưng thận trọng, đừng sử dụng tự do của bạn trước mặt người yếu đuối. Mặt khác, hãy sử dụng tự do của bạn cách liên tục và nhất quán trước mặt và bất chấp các bạo chúa và những người ngoan cố để cả họ cũng học biết rằng họ là kẻ vô đạo, luật lệ của họ không thắng thế sự công chính, và họ không có quyền thiết lập chúng.

Vì chúng ta không thể sống mà không có các nghi lễ và việc làm, và tuổi trẻ hư đốn và không được huấn luyện cần được kiềm chế và cứu khỏi tai họa nhờ các mối dây ràng buộc đó; và vì

mỗi người nên kiểm soát thân xác mình bằng những việc làm như thế, nên điều cần là thừa tác viên của Chúa Kitô phải biết nhìn xa và có lòng trung thành. Họ phải cai quản và dạy dỗ các Kitô hữu trong mọi vấn đề này cách nào để lương tâm và đức tin của họ sẽ không bị xúc phạm và sẽ không nảy sinh nơi họ một nghi ngờ hay nguyên nhân gây cay đắng nào khiến nhiều người do đó phải hư hỏng, như Thánh Phaolô từng khuyên bảo tín hữu Do Thái (Dt 12:15); nghĩa là, họ đừng mất đức tin và trở thành hư hỏng bởi việc lượng giá sai lạc về giá trị của việc làm và nghĩ rằng họ cần được công chính hóa nhờ việc làm. Trừ khi ta không ngừng cùng một lúc giảng dạy về đức tin, điều này sẽ diễn ra cách dễ dàng và làm hư hỏng rất nhiều người, như đã xảy ra cho đến nay qua các truyền thống độc hại, vô đạo, tiêu diệt các linh hồn của các Giáo Hoàng của chúng ta và các ý kiến của các thần học gia chúng ta. Vì các cạm bẫy này, không biết bao nhiêu linh hồn đã bị lôi vào hỏa ngục, để bạn thấy việc làm của Phán Kitô trong việc này.

Tóm lại, sự giàu sang là đá thử đức khó nghèo, buôn bán là đá thử lòng trung thành, danh dự là đá thử đức khiêm nhường, tiệc tùng là đá thử đức điều độ, khoái lạc là đá thử đức trong sạch thế nào, thì các nghi lễ là đá thử sự công chính của đức tin như thế. Vua Salômôn từng đặt câu hỏi “Có ai giấu lửa trong người mà không bị cháy áo?” (Cn 6:27). Thế nhưng, con người phải sống giữa giàu sang, buôn bán, danh dự, khoái lạc, và tiệc tùng thế nào, họ cũng phải sống giữa các nghi lễ như thế, nghĩa là giữa các nguy hiểm. Thực vậy, như các bé trai cần trước hết được nâng niu trong lòng và trong bàn tay của các trinh nữ để chúng khỏi bị diệt vong, thế nhưng, khi chúng đã lớn, thì ơn cứu rỗi của chúng sẽ lâm nguy nếu chúng cứ quanh quẩn với các trinh nữ thế nào, thì tuổi trẻ thiếu kinh nghiệm và hư đốn cần được kiềm chế và huấn luyện bằng thanh sắt nghi lễ kéo sự hăng say không kiềm chế của chúng sẽ lao đầu thẳng vào hết từ thói hư này đến thói hư khác. Mặt khác, sẽ là án tử cho chúng khi lúc nào cũng bị giam cầm trong ách nô lệ của các nghi lễ, vì nghĩ rằng các nghi lễ này công chính hóa chúng. Thay vào đó, nên dạy chúng rằng chúng bị giam cầm trong các nghi lễ, không phải để chúng nhờ đó mà nên công chính hay được công phúc lớn lao nào, nhưng để chúng khỏi làm điều xấu và có thể trở nên dễ dàng hơn trong việc được dạy dỗ về sự công chính của đức tin. Một việc dạy dỗ như thế chúng sẽ không chịu đựng được nếu tính bóc lột tuổi trẻ của chúng không được kiềm chế.

Do đó, các nghi lễ cần được dành cho cùng một vị thế trong đời sống Kitô hữu như các mô hình và họa đồ đối với các người xây dựng và thợ thủ công. Chúng được soạn thảo, không như các cơ cấu vĩnh viễn, nhưng vì nếu không có chúng, không toà nhà nào được xây dựng hay tái tạo. Khi một cơ cấu hoàn thành, các mô hình và họa đồ đều bị để qua một bên. Bạn thấy đấy, chúng không bị khinh bỉ, đúng hơn, người ta hết sức tìm kiếm chúng; nhưng điều chúng ta khinh bỉ là việc lượng giá sai lạc về chúng vì không ai coi chúng là cơ cấu thực sự và vĩnh viễn.

Nếu có ai đó trắng trợn ngó ngàng đến nỗi suốt đời không lưu tâm đến bất cứ điều gì ngoài việc soạn các mô hình và họa đồ tốn kém nhất, cẩn thận nhất, và kiên trì nhất mà không bao giờ nghĩ tới chính cơ cấu, và chỉ hài lòng với việc sản xuất ra các họa đồ và chỉ là các dụng cụ để làm việc, và huênh hoang khoác lác về chúng, thì há mọi người lại không thương hại cho cái tính ngó ngàng này và nghĩ rằng một điều vĩ đại đã có thể xây dựng bằng những điều người này bỏ phí hay sao? Bởi thế, chúng ta không khinh bỉ các nghi lễ và việc làm, nhưng chúng ta coi trọng chúng; chúng ta khinh bỉ việc lượng giá sai lạc đối với các việc làm để không ai nghĩ rằng chúng là sự công chính đích thực như những kẻ giả hình vốn tin; họ là những người phí phạm và mất hết đời sống vì nhiệt tình đối với việc làm và không bao giờ đạt được mục tiêu mà vì nó các việc làm cần phải nhắm, những người, như Thánh Tông Đò từng nói “lắng nghe bất cứ ai nhưng không bao giờ đạt tới việc nhận biết sự thật” (2Tm 3:7).

Dường như họ chỉ muốn xây dựng, họ chuẩn bị mọi thứ, ấy thế nhưng họ không bao giờ bắt tay vào việc xây dựng. Như thế, họ mãi đóng khung trong hình thức đạo thánh nhưng không đạt tới sức mạnh của nó (2Tm 3:5). Trong khi họ hài lòng với các cố gắng của mình và thậm chí còn dám phê phán mọi người khác, những người họ không thấy chói sáng với việc biểu diễn việc làm tương tự. Thế nhưng với các ơn phúc của Thiên Chúa, những ơn phúc mà họ đã tiêu phí và lạm dụng vô ích, đáng lẽ, nếu đã được đổ tràn đức tin, đã thực hiện được nhiều điều lớn lao có lợi cho ơn cứu rỗi của họ và ơn cứu rỗi của người khác.

Vì bản tính nhân loại và lý lẽ tự nhiên, như thường được gọi như thế, tự bản chất, vốn mê tín và sẵn sàng tưởng tượng, khi luật lệ và việc làm đã được ra lệnh, rằng sự công chính phải đạt được nhờ lề luật và các việc làm; và hơn nữa, vì họ vốn được huấn luyện và củng cố trong ý kiến này bởi thói quen của mọi nhà làm luật trần gian, nên tự họ, họ không thể nào thoát ra ngoài ách nô lệ của việc làm và tiến tới chỗ nhận thức được tự do của đức tin. Bởi thế, cần phải cầu nguyện để Chúa ban ơn cho chúng ta và biến chúng ta thành các theodidacti, tức những người được chính Thiên Chúa dạy dỗ (Ga 6:45), và chính Người, như Người vốn hứa, sẽ viết lề luật của Người trong trái tim chúng ta; nếu không, sẽ không còn hy vọng dành cho chúng ta. Nếu Người không dạy dỗ trái tim chúng ta sự khôn ngoan vốn được giấu kín trong mầu nhiệm (1Cr 2:7), tự nhiên chỉ có thể lên án nó và phán xử nó là lạc giáo vì tự nhiên bị xúc phạm bởi nó và coi nó như một điều ngớ ngẩn. Chúng ta thấy nó đã diễn ra thời xa xưa với các Tông đồ và tiên tri, và, các giáo hoàng vô thần và mù quáng và những kẻ tâng bốc họ cũng đã làm thế đối với tôi và những người giống như tôi. Cuối cùng, Xin Thiên Chúa thương xót họ và thương xót chúng ta và khiến nhan thánh Người rạng chiếu trên chúng ta để chúng ta nhận ra đường lối của Người trên trái đất (Tv 67:1-2), ơn cứu rỗi của Người giữa mọi dân tộc, Thiên Chúa, Đáng được chúc tụng muôn đời (2Cr 11:31). Amen.